



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 16/2021
Từ 19/4 - 23/4/2021

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

PHÂN CÔNG CÔNG TÁC CỦA THỦ TƯỚNG VÀ CÁC PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Ngày 22/04/2021, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 593/QĐ-TTg phân công công tác của Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ.



Chính phủ họp triển khai công việc sau khi kiện toàn

Quyết định nêu rõ nguyên tắc phân công và quan hệ công tác giữa Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ.

Theo nguyên tắc, Thủ tướng Chính phủ thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Chính phủ; lãnh đạo toàn diện và điều hành công tác của Chính phủ, các thành viên Chính phủ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; trực tiếp chỉ đạo, điều hành các công việc lớn, quan trọng, những vấn đề có tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ.

Thủ tướng Chính phủ phân công các Phó Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng theo dõi, chỉ đạo, xử lý các công việc thường xuyên thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong từng lĩnh vực công tác của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ không xử lý những nhiệm vụ, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị, công việc đã phân công cho Phó Thủ tướng Chính phủ.

Phó Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ làm nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ; thay mặt Thủ tướng Chính phủ quyết định và chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện, mọi mặt trước Thủ tướng Chính phủ, trước Chính phủ và trước pháp luật về nhiệm vụ, lĩnh vực, cơ quan được phân công theo dõi, chỉ đạo, bảo đảm tiến độ và chất lượng công việc.

Những công việc liên quan đến các Phó Thủ tướng Chính phủ khác thì Phó Thủ tướng Chính phủ được phân công chủ trì chủ động phối hợp cùng giải quyết, nếu còn ý kiến khác nhau giữa các Phó Thủ tướng Chính phủ thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trong phạm vi các lĩnh vực được phân công, Phó Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm và quyền hạn thay mặt Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, xây dựng cơ chế, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chuẩn bị các nội dung công tác cấp bách, đột xuất, cần thiết, báo cáo Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật và các nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng; chủ trì xử lý những vấn đề cần phối hợp liên ngành và xem xét, xử lý những kiến nghị của các Bộ, ngành và các địa phương thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi được phân công; theo dõi chỉ đạo xử lý những vấn đề về công tác nội bộ của các bộ và cơ quan được phân công.

Khi Thủ tướng Chính phủ vắng mặt, Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, hoặc một Phó Thủ tướng Chính phủ khác thay mặt Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo công tác của Chính phủ.

Trong trường hợp xét thấy cần thiết, hoặc khi Phó Thủ tướng Chính phủ vắng mặt, thì Thủ tướng Chính phủ trực tiếp hoặc phân công Phó Thủ tướng Chính phủ khác chỉ đạo xử lý công việc đã phân công cho Phó Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ tình hình thực tế trong tổ chức thực hiện, Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh, bổ sung việc phân công công tác của Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định này để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Theo phân công, Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ có nhiệm vụ sau:

1. Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Bí thư Ban Cán sự Đảng Chính phủ

a) Lãnh đạo, quản lý toàn diện mọi hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ.

b) Trực tiếp chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác sau đây:

- Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước.
- Chiến lược, chính sách tài chính, tín dụng, tiền tệ quốc gia.
- Chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Chiến lược quốc phòng, an ninh, đối ngoại và công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh.
- Công tác xây dựng thể chế; tổ chức bộ máy và công tác cán bộ; địa giới hành chính; những vấn đề chung về công tác thi đua, khen thưởng.
- Chi ngân sách Nhà nước, sử dụng dự phòng ngân sách Nhà nước, Quỹ dự trữ tài chính, Quỹ dự trữ ngoại hối và các quỹ khác của Nhà nước; phát hành công trái, trái phiếu Chính phủ.

- Quan hệ phối hợp giữa Chính phủ với các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

c) Theo dõi và chỉ đạo: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

d) Làm nhiệm vụ: Chủ tịch Ủy ban Chỉ đạo nhà nước về Biển Đông - Hải đảo; Trưởng ban Ban Chỉ đạo An toàn, An ninh mạng quốc gia; Chủ tịch Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử; Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương; Chủ tịch các hội đồng, ủy ban quốc gia và trưởng các ban chỉ đạo khác.

2. Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình, Phó Bí thư Ban Cán sự Đảng Chính phủ

a) Làm nhiệm vụ Phó Thủ tướng Thường trực.

b) Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, chỉ đạo các lĩnh vực công tác:

- Cải cách hành chính.

- Phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

- Phòng chống tham nhũng; thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

- Phòng chống tội phạm.

- Đặc xá.

- Cải cách tư pháp.

- Công tác dân tộc, tôn giáo và những vấn đề thường xuyên về thi đua khen thưởng.

- Phối hợp công tác giữa Chính phủ với Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

c) Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi và chỉ đạo: Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Văn phòng Chính phủ.

d) Làm nhiệm vụ: Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; Trưởng ban Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông quốc gia; Chủ tịch Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia; Trưởng ban Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm; chủ tịch các hội đồng, ủy ban quốc gia, trưởng các ban chỉ đạo khác theo lĩnh vực liên quan.

đ) Thay mặt Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện các công việc của Chính phủ khi Thủ tướng Chính phủ vắng mặt và được Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm.

e) Các công việc khác theo sự phân công, ủy nhiệm của Thủ tướng Chính phủ.

3. Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh, Ủy viên Ban Cán sự Đảng Chính phủ

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, chỉ đạo các lĩnh vực công tác:

- Ngoại giao và quan hệ đối ngoại (bao gồm đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao Nhân dân).

- Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vận động vốn vay ưu đãi.

- Viện trợ phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

- Hội nhập quốc tế; theo dõi, chỉ đạo đàm phán và thực hiện các cam kết quốc tế song phương, đa phương; cơ chế một cửa ASEAN, cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại.

- Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài.
- Quan hệ của Việt Nam với các tổ chức quốc tế và khu vực.
- Công tác biên giới và các vấn đề Biển Đông - Hải đảo.
- Công tác người Việt Nam ở nước ngoài và các vấn đề người nước ngoài ở Việt Nam.
- Các vấn đề về nhân quyền.

b) Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi và chỉ đạo Bộ Ngoại giao.

c) Làm nhiệm vụ: Trưởng ban Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế; Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc; Phụ trách Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Lào; Trưởng ban Ban Chỉ đạo nhà nước về phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền; Trưởng ban Ban Chỉ đạo về nhân quyền; Chủ tịch Ủy ban Chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại; chủ tịch các hội đồng, ủy ban quốc gia, trưởng các ban chỉ đạo khác theo lĩnh vực liên quan.

d) Các công việc khác theo sự phân công, ủy nhiệm của Thủ tướng Chính phủ.

4. Phó Thủ tướng Lê Minh Khái, Ủy viên Ban Cán sự Đảng Chính phủ

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, chỉ đạo các lĩnh vực công tác:

- Khối kinh tế tổng hợp, bao gồm: Kế hoạch; tài chính, giá cả; tiền tệ, ngân hàng; thị trường vốn, thị trường chứng khoán; các nguồn đầu tư tài chính; dự trữ Nhà nước; dự báo và chính sách điều hành kinh tế vĩ mô.

- Chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội; xóa đói giảm nghèo.
- Phát triển các loại hình doanh nghiệp.
- Kinh tế tập thể, hợp tác xã.
- Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

b) Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi và chỉ đạo: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Bảo hiểm tiền gửi.

c) Làm nhiệm vụ: Chủ tịch Hội đồng tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công; Trưởng ban Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; Trưởng ban Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Trưởng ban Ban Chỉ đạo xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án và doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành công thương; chủ tịch các hội đồng, ủy ban quốc gia, trưởng các ban chỉ đạo khác theo lĩnh vực liên quan.

d) Các công việc khác theo sự phân công, ủy nhiệm của Thủ tướng Chính phủ.

5. Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam, Ủy viên Ban Cán sự Đảng Chính phủ

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, chỉ đạo các lĩnh vực công tác:

- Giáo dục, đào tạo và dạy nghề.
- Khoa học và công nghệ.
- Lao động, việc làm và các vấn đề xã hội.
- Thông tin và truyền thông.
- Văn hóa; du lịch; thể dục, thể thao.
- Y tế, dân số, gia đình và trẻ em.

b) Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi và chỉ đạo: Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Y tế; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

c) Làm nhiệm vụ: Chủ tịch Hội đồng quốc gia giáo dục và phát triển nhân lực; Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng - an ninh Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quốc gia về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh; Trưởng ban Ban Chỉ đạo nhà nước về du lịch; Trưởng ban Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm; Chủ tịch Ủy ban quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm; chủ tịch các hội đồng, ủy ban quốc gia, trưởng các ban chỉ đạo khác theo lĩnh vực liên quan.

d) Các công việc khác theo sự phân công, ủy nhiệm của Thủ tướng Chính phủ.

6. Phó Thủ tướng Lê Văn Thành, Ủy viên Ban Cán sự Đảng Chính phủ

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, chỉ đạo các lĩnh vực công tác:

- Công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn, thương mại - xuất nhập khẩu, xây dựng, giao thông vận tải, tài nguyên và môi trường.
- Chỉ đạo bảo đảm năng lượng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- Các công trình trọng điểm quốc gia; các dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp của pháp luật.
- Các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất...
- Công tác phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn.

b) Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi và chỉ đạo: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương; Bộ Xây dựng; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Làm nhiệm vụ: Chủ tịch Hội đồng quy hoạch quốc gia; Chủ tịch Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước; Trưởng ban Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển điện lực; Trưởng ban Ban Chỉ đạo nhà nước các dự án trọng điểm về dầu khí; Trưởng ban Ban Chỉ đạo nhà nước các công trình, dự án trọng điểm ngành giao thông vận tải; Trưởng ban Ban Chỉ đạo điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm; Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống

thiên tai; Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản; Chủ tịch phân ban Việt Nam trong Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Liên bang Nga; chủ tịch các hội đồng, ủy ban quốc gia, trưởng các ban chỉ đạo khác theo lĩnh vực liên quan.

d) Các công việc khác theo sự phân công, ủy nhiệm của Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn: baochinhhphu.vn

ĐỀ ÁN VỀ ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, GIẤY TỜ CÔNG DÂN: XUYÊN SUỐT TIÊU CHÍ 'ĐÚNG, ĐỦ, SẠCH, SỐNG'

Ngày 23/4, tại Trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình, Trưởng ban Ban Chỉ đạo chủ trì hội nghị tổng kết Đề án 896 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu có liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 (Đề án 896).

Nhiều dấu ấn nổi bật

Báo cáo tổng kết nhấn mạnh: Việc ban hành Đề án 896 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu có liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần tạo bước đột phá trong quản lý dân cư từ thủ công sang hiện đại, chuyển từ hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử thông qua ứng dụng công nghệ thông tin. Chính phủ, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương, nhất là Đề án 896 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu có liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 các cấp đã chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện toàn diện các nhiệm vụ của đề án. Quá trình thực hiện có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ của các cấp, các ngành trên cơ sở chỉ đạo chung thống nhất của Ban Chỉ đạo 896/CP.

Tổng thể chung, 57/57 (100%) nhiệm vụ của Đề án 896 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu có liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 đã hoàn thành, quá trình triển khai thực hiện đề án đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, để lại dấu ấn nổi bật, nhất là nhiệm vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và nhiệm vụ rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến giấy tờ công dân. Kết quả của Đề án 896 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu có liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 đã tạo nền tảng để nâng cao hiệu quả quản lý dân cư theo hướng hiện đại, triển khai các phương án cải cách hành chính, xây dựng phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Đến nay, về cơ bản nhiệm vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và sản xuất, cấp căn cước công dân đã được thực hiện theo đúng tiến độ.

Đã cơ bản hoàn thành việc thu thập, cập nhật, bổ sung thông tin dân cư và nhập liệu vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Xác định một trong những vấn đề có tính nguyên

tắc bảo đảm xây dựng thành công Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là thông tin đưa vào cơ sở dữ liệu phải bảo đảm đầy đủ, chính xác và được bổ sung, cập nhật thường xuyên. Bộ Công an đã ban hành các quy trình, quy chế cụ thể, gắn với trách nhiệm của từng cấp công an trong công tác này; đã chỉ đạo các lực lượng ở cơ sở (cảnh sát khu vực, công an xã) “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng trường hợp” để cập nhật, bổ sung thông tin, bảo đảm thông tin dân cư “đúng, đủ, sạch, sống” trước khi đưa vào cơ sở dữ liệu.

Tính đến ngày 5/3, tổng số nhân khẩu thường trú cả nước là 98.736.106 nhân khẩu (trong đó số nhân khẩu thường trú 4 địa phương gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ, Tây Ninh là 11.864.261 nhân khẩu). Trong đó, đã thu thập được 86.603.192 phiếu DC01 của 59/63 địa phương; chuyển đổi, đồng bộ dữ liệu của 4 địa phương gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ, Tây Ninh đã có sẵn là 11.204.794 (đạt 99,06%); cập nhật được 16.050.224 phiếu DC02. Bộ Công an đã hướng dẫn, chỉ đạo công an các địa phương tổ chức 6.000 lượt kiểm tra, phúc tra bảo đảm dữ liệu thông tin dân cư “đúng, đủ, sạch, sống”.

Hiện nay, lực lượng công an đang đồng loạt cấp thẻ căn cước công dân mới cho công dân trên toàn quốc với nhiều ưu điểm nổi bật (thẻ có gắn chip điện tử với phương án bảo mật cao; bảo đảm các tiêu chuẩn quốc tế; thiết kế bảo đảm thẩm mỹ, bền, đẹp...), mở ra cơ hội mới trong việc ứng dụng phát triển các dịch vụ bảo đảm an ninh, an toàn, cải cách hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đặc biệt, nhờ có sự lồng ghép 2 dự án, Bộ Công an đã chỉ đạo cải cách tối đa thủ tục cấp căn cước cho công dân, theo đó người dân không phải kê khai bất cứ loại giấy tờ gì khi làm thủ tục, góp phần tiết kiệm thời gian, công sức rất lớn.

Đến ngày 01/5/2021 sẽ hoàn thành cấp số định danh cá nhân

Về cấp số định danh cá nhân thông qua giấy khai sinh cho trẻ em mới sinh, thực hiện nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đã phối hợp xây dựng, triển khai cấp số định danh cá nhân cho trẻ em đăng ký khai sinh từ ngày 01/01/2016.

Tính đến hết ngày 24/3, hệ thống của Bộ Tư pháp đã cung cấp 5.454.937 dữ liệu đăng ký khai sinh hợp lệ của công dân Việt Nam (tính đến thời điểm cập nhật dữ liệu vào hệ thống chưa đủ 14 tuổi và có ngày đăng ký khai sinh từ 01/01/2016 trở đi), tương ứng với 5.454.937 số định danh cá nhân được cấp cho trẻ em đăng ký khai sinh tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đồng thời, cung cấp hơn 16 triệu thông tin công dân (thông tin của cha, mẹ trẻ em) là nguồn dữ liệu đầu vào quan trọng cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của Luật Hộ tịch, Luật Căn cước công dân, phù hợp với yêu cầu của Đề án 896 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu có liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 13/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Cấp số định danh cá nhân thông qua cấp căn cước công dân: Thực hiện Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 11/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án sản xuất, cấp và quản lý chứng minh nhân dân giai đoạn 1, từ ngày 21/9/2012, Bộ Công an đã thực hiện cấp chứng minh nhân dân mới (12 số) và từ ngày 01/01/2016 đã chuyển sang thực hiện cấp thẻ căn cước công dân. Đến hết năm 2020, đã cấp được khoảng 14 triệu thẻ căn cước công dân tại 16 địa phương. Từ ngày 01/01/2021 đồng loạt tổ chức cấp thẻ căn cước công dân có gắn chip

điện tử cho công dân tại 63/63 địa phương. Hiện tại đang cấp số định danh cá nhân cho tất cả công dân Việt Nam, dự kiến đến 01/5/2021 sẽ hoàn thành.

Đối với nhiệm vụ rà soát thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư, Ban Chỉ đạo 896 đã chỉ đạo, đôn đốc quyết liệt việc rà soát các thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư. Các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai thực hiện.

Tổng hợp kết quả rà soát của 22 Bộ, ngành, đến nay trong tổng số 1.934 thủ tục hành chính có yêu cầu thông tin công dân để giải quyết, các Bộ, ngành đã đề xuất đơn giản hóa đối với 1.126 thủ tục hành chính, chiếm tỷ lệ 58,2%. Trong đó đề xuất bãi bỏ, hủy bỏ 34 thủ tục hành chính, đơn giản hóa trình tự thực hiện đối với 28 thủ tục hành chính, cắt giảm thành phần hồ sơ của 1.042 thủ tục hành chính, sửa nội dung 812 mẫu đơn, 201 tờ khai và đơn giản hóa 22 giấy tờ công dân.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Văn phòng Ban Chỉ đạo 896/CP đã thực hiện rà soát độc lập và đã có công văn gửi từng Bộ, ngành nhận xét đối với kết quả rà soát. Theo đó, đã đề xuất rà soát bổ sung đối với 399 thủ tục hành chính, đề xuất các phương án đơn giản hóa mạnh mẽ hơn đối với 406 thủ tục hành chính, nâng tổng số thủ tục có phương án lên 1.525 thủ tục hành chính.

Không để ‘quyền anh, quyền tôi’ trong quá trình thực hiện

Quá trình thực hiện Đề án 896 rút ra một số bài học kinh nghiệm là phải có quyết tâm chính trị cao và sự chỉ đạo quyết liệt trong tổ chức thực hiện. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu có liên quan đến quản lý dân cư là vấn đề khó khăn, phức tạp với khối lượng công việc đặt ra rất lớn và có nhiều khó khăn, thách thức. Do đó, phải có sự thống nhất nhận thức của các cấp, các ngành; đồng thời, phát huy vai trò chỉ đạo thống nhất của Ban Chỉ đạo 896 các cấp với những lộ trình, bước đi cụ thể góp phần tạo nên thành công của đề án.

Phải có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện, trên cơ sở tất cả vì nhiệm vụ chung, mục đích cao nhất là nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, tránh tình trạng “quyền anh, quyền tôi”, cát cứ theo từng lĩnh vực.

Về nhiệm vụ trong thời gian tới, Ban Chỉ đạo cho rằng, mặc dù Đề án 896 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu có liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 đã hoàn thành các mục tiêu, yêu cầu đề ra trong giai đoạn 2013 - 2020, nhưng những kết quả này mới mang tính chất nền tảng. Nhiều nhiệm vụ cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện trong thời gian tới, trọng tâm là 3 nhóm nhiệm vụ.

Một là, tổ chức thực hiện quyết liệt và hoàn thành việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước (theo 19 nghị quyết Chính phủ đã ban hành).

Hai là, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; khai thác, sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Cuối cùng là duy trì bảo đảm hoạt động thường xuyên của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nhất là việc bổ sung, cập nhật thông tin dân cư, bảo đảm thông tin “đúng, đủ, sạch, sống”.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: CÁC BỘ, TỈNH ĐƯA 100% DỊCH VỤ CÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÊN ONLINE MỨC ĐỘ 4 TRONG NĂM 2021

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông vừa đề nghị người đứng đầu các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai quyết liệt và có hiệu quả các giải pháp để đạt được mục tiêu cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức 4 trong năm 2021.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến vẫn là ưu tiên hàng đầu

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến là một trong những chỉ số đo lường quan trọng nhất trong phát triển Chính phủ điện tử khi lấy người dân làm trung tâm, là đối tượng phục vụ.

Dịch vụ công trực tuyến cần được cung cấp đến mọi người dân, mọi lúc, mọi nơi góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí làm cho hoạt động của các cơ quan nhà nước được minh bạch, hiệu quả, phòng chống tham nhũng và cải cách hành chính toàn diện.

Nâng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 từ 10,7% lên đạt trên 30% là một kết quả nổi bật của các Bộ, ngành, địa phương trong phát triển Chính phủ điện tử năm 2020, góp phần phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Đặc biệt, có 3 cơ quan bộ, ngành là Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cùng 2 tỉnh, thành phố gồm: Bến Tre, Tây Ninh đã hoàn thành việc đưa 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4.

Tại phiên họp ngày 10/3 của Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các Bộ, ngành địa phương tiếp tục tập trung nguồn lực để đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Trong công văn ngày 19/4 gửi tới các Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng các bộ, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng nhấn mạnh, để phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số trong giai đoạn mới, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến vẫn là nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu.

Vận dụng kinh nghiệm của các tỉnh Bến Tre, Tây Ninh để sớm hoàn thành chỉ tiêu 100%

Bộ trưởng Bộ TT&TT đề nghị người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quan tâm, chỉ đạo tỉnh, bộ triển khai quyết liệt và có hiệu quả các giải pháp để đạt được mục tiêu cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức 4 trong năm nay.

Đối với các dịch vụ công không đủ điều kiện đưa lên trực tuyến mức độ 4, cần ứng dụng triệt để các giải pháp kỹ thuật để đưa tối đa các hoạt động cung cấp dịch vụ công lên môi trường mạng, từ quá trình nộp, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho đến trả kết quả tới người dân, doanh nghiệp.

Người đứng đầu các Bộ, ngành, địa phương cũng được đề nghị giao Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin của Bộ, ngành xây dựng kế hoạch triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Kế hoạch này cần thể hiện rõ các nội dung: mục tiêu cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trong năm 2021 và theo từng tháng; danh sách các dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trong năm 2021 và danh sách các dịch vụ công không đủ điều kiện đưa lên trực tuyến mức độ 4 (kèm theo giải thích nguyên nhân không đủ điều kiện).

Đáng chú ý, với mục tiêu hỗ trợ các địa phương đẩy nhanh việc cung cấp tất cả dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4, lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị các tỉnh, thành phố nghiên cứu, vận dụng kinh nghiệm triển khai nhanh, hiệu quả của một số địa phương trong thời gian qua.

Bên cạnh hướng dẫn cụ thể 9 bước triển khai, Bộ Thông tin và Truyền thông cũng tổng kết các bài học kinh nghiệm mà các địa phương cần lưu ý đã đưa 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 như: sự quyết tâm của lãnh đạo các cấp, sự sẵn sàng của các nền tảng, sự chuẩn hóa của thủ tục hành chính, sự phối hợp Tỉnh - Bộ - Doanh nghiệp.

Trong đó, bài học kinh nghiệm đầu tiên cũng là yếu tố tiên quyết, quan trọng để nhanh chóng cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 chính là sự quyết tâm của lãnh đạo các cấp.

Lãnh đạo địa phương phải có quyết tâm và tạo được sự đồng thuận cao trong việc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch với lộ trình cụ thể. Lãnh đạo các đơn vị trong tỉnh thực sự quan tâm, tạo điều kiện cho các cán bộ tham gia nhiệm vụ.

Tổ giúp việc có thành viên là các cán bộ thuộc các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được đào tạo và trực tiếp tạo eform, thiết lập quy trình điện tử cho các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của đơn vị mình. Nhờ đó, đã rút ngắn được thời gian thực hiện.

Bộ Thông tin và Truyền thông cũng khuyến nghị, để đẩy nhanh quá trình triển khai cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 một cách hiệu quả, một trong những điểm quan trọng là việc sử dụng giải pháp Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định hiện hành.

Cụ thể, tùy vào hiện trạng triển khai tại từng địa phương, trong quá trình thực hiện đưa 100% dịch vụ công lên trực tuyến mức độ 4, địa phương có thể xem xét lựa chọn giải pháp: triển khai Cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử trên cùng một nền tảng đáp ứng các yêu cầu và quy định hiện hành; triển khai theo mô hình cung cấp dịch vụ phần mềm trên nền tảng điện toán đám mây SaaS (Software-as-a-Service) đáp ứng các yêu cầu và quy định hiện hành.

Với việc triển khai theo giải pháp trên, thiết lập một dịch vụ công mới sẽ thực hiện trên cơ sở tùy biến các biểu mẫu và quy trình xử lý điện tử, các tài nguyên sử dụng chung sẽ được tận

dụng tối đa; người dùng tại các đơn vị có thể chủ động khởi tạo và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên môi trường mạng.

Nguồn: ictnews.vietnamnet.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG: CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH

Bộ Công Thương cho biết trong thời gian tới tiếp tục rà soát và xây dựng kế hoạch lộ trình cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ cho giai đoạn 2021 - 2025; hoàn thiện các chính sách, bảo đảm hệ thống thể chế đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong các lĩnh vực mà bộ, ngành Công Thương được phân công.

Vụ Pháp chế (Bộ Công Thương) cho biết, việc cải cách thủ tục hành chính hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng xây dựng thể chế, gắn xây dựng thể chế với ban hành chính sách, pháp luật; bảo đảm các quy định nên thủ tục hành chính được thực thi thống nhất, hiệu quả trên phạm vi cả nước.

Theo Vụ Pháp chế, các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Công Thương xây dựng, soạn thảo trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền phân lớn đều quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, cũng như quy định rõ về thời gian cơ quan nhà nước phải hoàn thành để trả kết quả cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

Mặt khác, thực hiện cải cách thủ tục hành chính, các văn bản quy phạm pháp luật về công thương đã phân cấp rất mạnh cho địa phương theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn. Cùng với đó, cải cách thủ tục hành chính của Bộ Công Thương được đẩy mạnh trên tinh thần giải quyết tất cả những vướng mắc của người dân, doanh nghiệp.

Đặc biệt, Bộ Công Thương thường xuyên tổ chức việc rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công thương, đặc biệt là các quy định về thủ tục hành chính nhằm xử lý, tháo gỡ các vướng mắc, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và thực tiễn đặt ra, được người dân và doanh nghiệp hoan nghênh.

Cũng theo Vụ Pháp chế, giai đoạn từ năm 2010, Bộ Công Thương tổ chức thực hiện cơ chế “một cửa” đối với tất cả các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực do Bộ quản lý tại Phòng Tiếp nhận và trả kết quả của Bộ (bộ phận một cửa).

Ngoài ra, từ đầu năm 2014 đến nay, 100% văn bản quy phạm pháp luật 19 văn bản có thủ tục hành chính được Vụ Pháp chế thẩm định đã có lấy ý kiến về thủ tục hành chính và đánh giá tác động khi phát sinh. Về cơ bản, các ý kiến tham gia về quy định thủ tục hành chính đều được tiếp thu, giải trình đầy đủ.

Trong chương trình cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh là một nhiệm vụ trọng tâm của Bộ Công Thương. Với quan điểm quyết liệt hành

động, liên tiếp trong các năm từ 2016 đến nay, Bộ Công Thương đã tiên phong thực hiện việc cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đã có nhiều đề xuất tham mưu cho Chính phủ cũng như có văn bản chỉ đạo các đơn vị chức năng rà soát để đơn giản, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Kết quả, qua các lần cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, tính đến năm 2020, Bộ Công Thương đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa tổng cộng là 880 điều kiện trên tổng số 1.216 điều kiện chiếm 70%.

Hiện nay, số lượng điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương còn lại 553 điều kiện thuộc 25 ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Sau khi các điều kiện kinh doanh được cắt giảm, thủ tục hành chính được đơn giản hoá, các ý kiến phản ánh trực tiếp của doanh nghiệp, người dân thời gian qua đều bày tỏ, sự cải cách của Bộ Công Thương đã mang lại những lợi ích thiết thực cho họ, như điều kiện kinh doanh thông thoáng hơn, đỡ phức tạp, rườm rà; thời gian làm thủ tục nhanh hơn qua đó tiết giảm được chi phí, tăng cơ hội, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Nguồn: bnews.vn

NGÀNH THUẾ: TIẾP TỤC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ GIẢM GIỜ NỘP THUẾ

Mặc dù được đánh giá là đã có nhiều cải cách, mang lại sự thuận lợi cho người nộp thuế, tuy nhiên Tổng cục Thuế đang tiếp tục rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính, áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế để giảm thêm thời gian làm thủ tục thuế.

Hiện nay, ngành Thuế cũng đang hoàn thiện chiến lược cải cách hệ thống thuế theo hướng điện tử hóa công tác quản lý thuế.

Không để phát sinh thêm thủ tục mới

Theo chương trình hành động của Bộ Tài chính triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2021 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã yêu cầu Tổng cục Thuế phải tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế. Cụ thể, tiếp tục mở rộng áp dụng hoá đơn điện tử; nộp thuế điện tử đối với hoạt động cho thuê nhà, nộp lệ phí trước bạ điện tử, nộp thuế thu nhập cá nhân điện tử đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản...

Thực hiện chủ trương này, vừa qua Tổng cục Thuế đã đưa thủ tục nộp tờ khai, nộp lệ phí trước bạ ô tô, xe máy lên Cổng dịch vụ công quốc gia; xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai bằng phương thức điện tử. Các dịch vụ này đi vào hoạt động, đã mang lại nhiều lợi ích cho người dân khi thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Mặc dù đã có nhiều cải cách thủ tục hành chính, mang lại sự thuận lợi cho người nộp thuế, nhưng để nâng hạng chỉ số nộp thuế theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế đang tập trung đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính và kiểm soát tốt thủ tục hành chính thuế. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế Phi Văn Tuấn cho biết, việc kiểm soát thủ tục

hành chính là khâu hết sức quan trọng, giúp cho các thủ tục về thuế đơn giản, dễ thực hiện và không để phát sinh thêm thủ tục mới.

“Hiện nay, Tổng cục Thuế đang xây dựng các thông tư hướng dẫn và các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế. Chúng tôi đã chỉ đạo Văn phòng Tổng cục Thuế phải kiểm soát chặt chẽ các thủ tục hành chính từ khi xây dựng các thông tư hướng dẫn, không để phát sinh thêm thủ tục hành chính mới. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng yêu cầu bộ phận văn phòng phải triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý văn bản, lưu trữ văn bản... thông qua đó có thể kiểm soát tốt các thủ tục hành chính mà ngành Thuế đang áp dụng hiện nay, qua đó tiếp tục giảm thời gian thực hiện thủ tục thuế” - ông Tuấn nói.

Tiếp tục cải cách theo hướng điện tử hóa công tác quản lý thuế

Đánh giá về công tác cải cách thủ tục hành chính thuế hiện nay, Tổng cục Thuế cho biết, công tác cải cách, hiện đại hóa đang được ngành Thuế tiếp tục triển khai thực hiện. Việc hiện đại hóa công tác quản lý thuế được thực hiện từ khâu đăng ký thuế, đến khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế đều bằng phương thức điện tử. Thủ tục, hồ sơ, mẫu biểu... đều được đơn giản hóa, tạo thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện đăng ký, khai thuế, nộp thuế, nhưng vẫn đảm bảo cơ quan thuế có đầy đủ thông tin quản lý cần thiết về người nộp thuế.

Báo cáo cho thấy, đối với doanh nghiệp, ngành Thuế đã triển khai dịch vụ khai thuế điện tử tại 63/63 tỉnh, thành phố và 100% chi cục thuế trực thuộc. Về nộp thuế, Tổng cục Thuế đã phối hợp với 50 ngân hàng thương mại kết nối nộp thuế điện tử; triển khai hoàn thuế điện tử tại 63/63 tỉnh, thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khi làm thủ tục hoàn thuế.

Hiện nay, Tổng cục Thuế đang gấp rút hoàn thiện dự thảo Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021 - 2030 theo hướng đẩy mạnh hơn nữa điện tử hóa công tác quản lý thuế. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế Cao Anh Tuấn cho biết, để thực hiện chiến lược này thành công, Tổng cục Thuế sẽ triển khai thành 2 giai đoạn (giai đoạn từ 2021 - 2025 và giai đoạn từ 2026 - 2030). Việc chia thành 2 giai đoạn nhằm đảm bảo thực hiện đúng các mục tiêu, tạo tiền đề để ngành Thuế triển khai thắng lợi toàn bộ Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021 - 2030.

Lãnh đạo Tổng cục Thuế cho biết, Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021 - 2030 hướng đến 2 mục tiêu là: đổi mới đồng bộ hệ thống chính sách thuế để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng ngành Thuế Việt Nam hiện đại, tập trung, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Để đạt được 2 mục tiêu này, việc cải cách phải đảm bảo tính ổn định, bền vững về quy mô nguồn lực, có mức động viên hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, góp phần thiết lập môi trường kinh tế cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế.

“Ngành Thuế sẽ tăng cường công tác cải cách hành chính, qua đó góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, phấn đấu đến năm 2030 môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu. Đồng thời, ngành Thuế xây dựng nhanh nền hành chính hiện đại, dựa trên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tính chuyên nghiệp cao, có năng lực sáng tạo, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp” - ông Tuấn nói.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

THÚC ĐẨY CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH, PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

Ngày 20/4, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã công bố Báo cáo Chương trình cải cách môi trường kinh doanh Việt Nam (báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 02 năm 2020 và Nghị quyết số 35/NQ-CP năm 2016 của Chính phủ).

Theo Báo cáo, mục tiêu 1 triệu doanh nghiệp đến năm 2020 đã không đạt được khi chỉ có 811.538 doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2020.

Trong năm 2020, số doanh nghiệp đăng ký mới chỉ đạt 134.941 doanh nghiệp, thấp hơn 2,3% so với trong năm 2019, trong khi số lượng tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và đã giải thể cao hơn 13,93% so với năm 2019.

Trước đó, thực hiện Nghị quyết 35, có 41 tỉnh, thành phố đã cam kết về số lượng doanh nghiệp đến năm 2020. Tuy nhiên, sau khi triển khai thực tế chỉ có 17 địa phương đạt hoặc vượt mức đã cam kết.

Một số tỉnh có số lượng doanh nghiệp tăng mạnh như Vĩnh Phúc (168%), Bắc Ninh (185%), Hưng Yên (152%), Bắc Giang (221%), Bình Phước (162%), Bình Dương (163%), Đồng Nai (164%). Ngược lại, một số địa phương có tỉ lệ tăng thấp như Điện Biên (24%), Quảng Trị (38%).

Trưởng ban Ban Pháp chế VCCI Đậu Anh Tuấn cho biết, nhìn chung các biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp vẫn được tiếp tục thực hiện, bất chấp bối cảnh dịch bệnh COVID-19. Lĩnh vực thành lập doanh nghiệp và tiếp cận điện năng vẫn được đánh giá cao nhất và xếp cuối cùng là lĩnh vực phá sản. Tuy nhiên, tốc độ cải thiện dường như chậm lại so với các năm trước và xu hướng thay đổi của các lĩnh vực tương đối trái ngược. Các lĩnh vực có điểm số thấp (phá sản, bảo vệ nhà đầu tư và xuất nhập khẩu) tăng điểm, trong khi các lĩnh vực có điểm cao (thành lập doanh nghiệp, tiếp cận điện năng) lại giảm điểm.

Trong số các thủ tục, thủ tục nộp thuế và bảo hiểm xã hội có sự tiến bộ đáng ghi nhận trong năm 2020. Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, ngành thuế đã có nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, gia hạn tiền nộp thuế, tiền thuê đất, giảm phí và lệ phí), với các thủ tục được thiết kế đơn giản, dễ thực hiện. Hệ thống công nghệ thông tin của ngành thuế cũng đáp ứng được nhu cầu tăng cao về nhu cầu thực hiện qua hình thức điện tử.

Trong khi đó, Luật Quản lý thuế 2019 có hiệu lực từ tháng 7/2020 được kỳ vọng cải thiện môi trường kinh doanh với cải tiến về thời gian làm thủ tục, cắt giảm nghĩa vụ làm thủ tục hành chính, tháo gỡ các vướng mắc về kê khai và nộp thuế điện tử; bổ sung quy định về quyền được thông tin về thanh, kiểm tra... “Dù vậy, trung bình vẫn có 22% doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực thuế như đề nghị miễn, giảm thuế (23% doanh nghiệp gặp phải), hoàn thuế (18%), quyết toán thuế (17%)”, Trưởng ban Ban Pháp chế của VCCI nói.

Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) Trần Thị Hồng Minh, Giám đốc Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam - Aus4Reform đánh giá, hoạt động kiểm tra chuyên ngành chuyển biến chậm, cơ chế một cửa chưa thực sự hiệu quả khi doanh nghiệp vẫn phải nộp kèm bản giấy, thiếu kết nối giữa các Bộ, ngành, hệ thống công nghệ thông tin bị nghẽn.

Đại diện cộng đồng doanh nghiệp, Chủ tịch VCCI Vũ Tiến Lộc nhận định, những thách thức đặt ra đối với việc cải thiện môi trường kinh doanh trong 5 năm tới sẽ khó khăn hơn rất nhiều so với những gì đã làm được. Điều này cũng là quy luật tất yếu. Để bước từ cấp độ thể chế thấp lên thể chế trung bình thì dễ, nhưng để bước từ thể chế trung bình lên thể chế tốt thì khó khăn hơn rất nhiều.

Đại diện VCCI cho rằng, giờ chính là lúc cần có sự chung tay góp sức của tất cả các doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp, các cơ quan, từng cán bộ trong bộ máy nhà nước, không chỉ bằng công sức mà còn phải cả trí tuệ để có thể tiếp tục đưa môi trường kinh doanh của Việt Nam tiến lên. Đây không chỉ là thách thức đối với Chính phủ, mà còn là thách thức đối với cả các doanh nghiệp, hiệp hội, các chuyên gia để đưa ra được các giải pháp hiệu quả về lâu dài.

“Chúng tôi sẽ tiếp tục cố gắng hết sức mình để phản ánh chính xác nhất các diễn biến thực tế, nỗ lực tiếp tục đưa ra các khuyến nghị chính sách có chất lượng, đồng hành cùng Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam”, ông Vũ Tiến Lộc khẳng định.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI (SỬA ĐỔI)

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi).

Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 (Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20/11/2014 (thay thế Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016 (riêng quy định tại điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, tính đến hết tháng 12/2020 đã có hơn 16 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội (chiếm khoảng 33,5% lực lượng lao động trong độ tuổi); 13,3 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (chiếm 27,8% lực lượng lao động trong độ tuổi); số thu bảo hiểm xã hội (từ nguồn đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động) năm 2020 là gần 260 nghìn tỷ đồng, tăng gần 11 lần so với năm 2007 là năm đầu tiên thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội.

Tuy nhiên, quá trình thực tiễn thực hiện Luật bảo hiểm xã hội cũng đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, cụ thể:

Một là, diện bao phủ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật cũng như quy mô tham gia bảo hiểm xã hội trên thực tế còn thấp:

Về quy định của pháp luật: Chính sách bảo hiểm xã hội hiện hành chưa hướng đến bao phủ toàn dân. Quy định về điều kiện hưởng lương hưu và nhận bảo hiểm xã hội một lần còn bất cập. Hệ thống bảo hiểm xã hội về cơ bản còn thiết kế đơn tầng, sự kết nối giữa chính sách bảo hiểm xã hội với các chính sách xã hội khác chưa đồng bộ, chặt chẽ để thực sự đóng vai trò là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội nên diện bao phủ còn thấp, nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn và khu vực không có quan hệ lao động. Chính sách bảo hiểm xã hội cho khu vực phi chính thức mới giới hạn ở hai chế độ hưu trí và tử tuất, một thời gian dài không có chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Bảo hiểm xã hội bắt buộc còn bỏ sót một số nhóm đối tượng có nhu cầu và có khả năng nhưng chưa được luật hóa để tham gia như chủ hộ kinh doanh cá thể; người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương, người lao động làm việc theo chế độ linh hoạt.

Về quy mô tham gia bảo hiểm xã hội trên thực tế: Tính đến năm 2020, mới chỉ có gần 33,5% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, vẫn còn gần 32 triệu người trong lực lượng lao động trong độ tuổi lao động (khoảng 66,5%) chưa tham gia bảo hiểm xã hội. Mục tiêu đến năm 2030 có khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW là một thách thức rất lớn nếu không có những giải pháp căn bản về cả chính sách và công tác tổ chức thực hiện chính sách.

Tính đến cuối 2020, Việt Nam có khoảng 14,1 triệu người sau độ tuổi nghỉ hưu (từ 55 tuổi trở lên đối với nữ; từ 60 tuổi trở lên đối với nam). Trong số đó, chỉ có khoảng trên 3,1 triệu người đang được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng (chiếm 22,1%) tổng số người sau độ tuổi nghỉ hưu. Nếu tính cả những người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (1,8 triệu người) thì tổng cộng có khoảng gần 5 triệu người (chiếm 35%) được hưởng các khoản trợ cấp hàng tháng. Như vậy, cho đến nay vẫn còn khoảng 9,2 triệu người sau độ tuổi nghỉ hưu (chiếm 65%) chưa thuộc diện bao phủ của hệ thống bảo hiểm xã hội hoặc tầng an sinh xã hội nào khác. Trong khi đó, mục tiêu Nghị quyết số 28-NQ/TW đặt ra là đến năm 2021 có khoảng 45% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu sẽ là một thách thức rất lớn.

Phát triển đối tượng bảo hiểm xã hội còn dưới mức tiềm năng, còn nhiều đối tượng thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng chưa tham gia. Số lượng hưởng bảo hiểm xã hội một lần tăng nhanh chóng dẫn tới độ bao phủ bảo hiểm xã hội tăng chậm.

Hai là, quỹ hưu trí và tử tuất khó đảm bảo cân đối trong dài hạn: Do chính sách bảo hiểm xã hội hiện hành được kế thừa từ các chính sách bảo hiểm xã hội trong giai đoạn kế hoạch hóa tập trung, thiết kế dành cho công nhân viên chức khu vực nhà nước, do ngân sách nhà nước đảm bảo. Khi mở rộng ra các khu vực kinh tế khác thì chính sách chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời, chưa phù hợp với sự thay đổi về đặc điểm của quy mô và cơ cấu dân số (tốc độ già hóa dân số), chưa phù hợp với nguyên tắc đóng - hưởng và cân đối giữa mức đóng - mức hưởng dẫn đến quỹ hưu trí và tử tuất khó đảm bảo khả năng cân đối trong dài hạn.

Theo thống kê của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, bình quân người tham gia bảo hiểm xã hội đóng góp trong 28 năm với tỷ lệ 22% vào quỹ hưu trí và tử tuất, trong khi hưởng lương hưu bình quân 25 năm với tỷ lệ hưởng bình quân 70,1%. Bên cạnh đó, tương quan giữa số người đóng và số người hưởng có xu hướng ngày càng giảm. Năm 1996, cứ có 217 người đang đóng bảo hiểm xã hội thì chỉ có 1 người đang hưởng chế độ hưu trí; 10 năm sau, năm 2006 tỷ lệ này là 12,6/1; đến năm 2017 là 8,2/1 và đến năm 2020 là 7,7/1. Tỷ lệ số chi trên số thu vào quỹ hưu trí và tử tuất trong thời gian qua đang có xu hướng tăng lên.

Tỷ lệ hưởng lương hưu trên số năm đóng góp của Việt Nam hiện nay là khá cao, mức tối đa là 75% cho 35 năm đóng góp đối với nam và 30 năm đóng góp đối với nữ, tương ứng với tỷ lệ tích lũy là 2,14% cho mỗi năm đóng góp đối với nam và 2,5% cho mỗi năm đóng góp đối với nữ. Tỷ lệ này vẫn cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực và trên thế giới và chính sách hưu trí của Việt Nam được các chuyên gia của Tổ chức Lao động quốc tế đánh giá là thuộc loại hào phóng nhất thế giới.

Ba là, chính sách bảo hiểm xã hội thiếu sự chia sẻ theo nghĩa rộng: Hiện nay tính chất chia sẻ rủi ro chỉ thể hiện rõ trong các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Chính sách hưu trí được thiết kế còn nặng về nguyên tắc đóng - hưởng, nhưng thiếu chú ý đến nguyên tắc chia sẻ giữa người có mức lương cao và mức lương thấp để thu hẹp khoảng cách về thu nhập giữa các nhóm lao động. Theo báo cáo của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thì khoảng cách chênh lệch giữa người có mức lương hưu cao nhất và lương hưu thấp nhất hiện nay là tương đối lớn.

Bốn là, quy định điều kiện về thời gian tối thiểu được hưởng lương hưu quá chặt chẽ dẫn đến số người đang tham gia rời bỏ hệ thống bảo hiểm xã hội trước tuổi nghỉ hưu khá lớn: Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội điều kiện thời gian tối thiểu tham gia bảo hiểm xã hội để có cơ hội được hưởng chế độ hưu trí đủ 20 năm. Điều này dẫn đến nhiều người không tích lũy đủ số năm đóng bảo hiểm xã hội để được hưởng lương hưu. Nhiều nước quy định thời gian tham gia bảo hiểm xã hội 10 năm là đã đủ điều kiện hưởng lương hưu, mặc dù mức lương hưu có thể thấp nhưng vẫn tốt hơn là chuyển sang hưởng trợ cấp tuổi già hay lương hưu xã hội (tầng bảo hiểm xã hội phổ quát) do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Năm là, theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và Nghị quyết số 93/2015/QH13 của Quốc hội thì điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội một lần khá dễ dàng: Sau một năm không làm việc, không tham gia bảo hiểm xã hội là người lao động có thể hưởng bảo hiểm xã hội một lần với mức hưởng bằng 1,5 tháng lương cho mỗi năm tham gia bảo hiểm xã hội trước năm 2014 và 2 tháng lương cho mỗi năm tham gia sau đó. Như vậy, với mức đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất 8% tiền lương từ phía người lao động, một năm đóng 0,96 tháng lương thì việc hưởng 2 tháng lương khi nhận bảo hiểm xã hội một lần được xem như là có lãi, cùng với việc phải chờ đợi quá lâu để hưởng hưu trí sẽ khiến người lao động mong muốn được nhận bảo hiểm xã hội một lần để đáp ứng các nhu cầu trước mắt.

Xuất phát từ những lý do, yêu cầu nêu trên, theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc đề xuất sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Nguồn: baochinhpvu.vn

HÀ NỘI: XÓA BỎ “XIN - CHO” GIÚP TĂNG HIỆU QUẢ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Theo đánh giá của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, trong những năm qua, TP. Hà Nội đã tập trung thực hiện hiệu quả các nhóm giải pháp về phòng, chống tham nhũng.

Trong đó, cùng với việc tăng cường công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật; nâng cao chất lượng thực thi công vụ, TP cũng tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; xử lý vi phạm.

Theo Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, từ năm 2009 đến tháng 6/2020, qua công tác kiểm tra nội bộ, chưa phát hiện và xử lý trường hợp tham nhũng nào. Từ ngày 01/6/2009 đến 01/6/2020, qua thanh tra đã phát hiện sai phạm trên 3.597 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi nợ ngân sách Nhà nước trên 2.380 tỷ đồng, kiến nghị khác trên 1.185 tỷ đồng; kiến nghị thu hồi trên 2.000ha đất, xử lý hành chính 523 tập thể và 579 cá nhân; xử phạt vi phạm hành chính trên 375 tỷ đồng; chuyển cơ quan điều tra 57 cuộc.

Qua giải quyết khiếu nại, tố cáo đã kiến nghị thu hồi 22,5 tỷ đồng và 17,5ha đất; kiến nghị trả lại quyền lợi cho công dân 43,8 tỷ đồng và 3,7ha đất; kiến nghị điều chỉnh 109 phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; bán bỏ sung 8 nhà tái định cư, thu hồi và điều chỉnh 31 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xử lý về hành chính 229 tập thể và 389 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 30 vụ. Số tài sản thất thoát trong các vụ án tham nhũng đã xét xử là trên 15.687 tỷ đồng, 52.221m² đất, 1.774m² đất phi nông nghiệp, 79.896 USD, 2.750 Euro. Số tiền tài sản trong các vụ án tham nhũng xét xử đã được thu hồi là hơn 7.623 tỷ đồng...

Phó Chánh Thanh tra TP. Hà Nội Nguyễn Xuân Minh cho biết, dự báo tình hình tham nhũng trên địa bàn TP. Hà Nội vẫn diễn biến phức tạp và tiềm ẩn trong nhiều lĩnh vực như: tín dụng, ngân hàng; quản lý, sử dụng đất đai, giải phóng mặt bằng; đầu tư xây dựng; tài chính, thuế... với tính chất ngày càng phức tạp; thủ đoạn tinh vi hơn; phạm vi, lĩnh vực ngày càng rộng.

Đặc biệt, vẫn còn dư luận về tình trạng nhùng nhịu của một bộ phận cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, nhiệm vụ. Một số vụ tham nhũng được phát hiện trong lĩnh vực y tế, thực hiện chế độ chính sách người có công đã gây bức xúc dư luận...

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội Nguyễn Trọng Đông, các cấp, các ngành phải quán triệt mục tiêu, quan điểm, nội dung và giải pháp trong các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trên tinh thần kiên quyết, kiên trì, quyết tâm thực hiện mục tiêu “ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của Nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính”.

Cùng đó, tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực, xóa bỏ tình trạng “xin - cho”, tập trung trong các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, tài nguyên, tín dụng, mua sắm tài sản công, tổ chức cán bộ, quản lý doanh nghiệp Nhà nước. Cùng với đó là việc tăng trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức, viên chức...

Nguồn: kinhtedothi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn thành phố giai đoạn 2020 - 2025.

Mục tiêu cụ thể mà TP. Hồ Chí Minh đề ra là phấn đấu đưa Chỉ số cải cách hành chính của thành phố trong giai đoạn 2020 - 2025 thuộc nhóm năm địa phương dẫn đầu cả nước; có 90% sở, ngành, Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức và các quận, huyện (gọi tắt là Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện) được đánh giá Chỉ số cải cách hành chính đạt từ loại tốt trở lên. Đồng thời, hoàn thiện tổ chức chính quyền đô thị và tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phù hợp với đặc điểm của thành phố; gắn công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước với tham mưu phân cấp, ủy quyền, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử; đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy trong từng nội bộ cơ quan, đơn vị. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, chú trọng cải cách tiền lương cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Về tỷ lệ khảo sát ý kiến hài lòng, thành phố phấn đấu đến năm 2025, mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước ở từng lĩnh vực đạt 95% trở lên. Hơn 60% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tất cả văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên mạng điện tử trừ các văn bản thực hiện theo chế độ "mật". 100% các sở, ngành, Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện ứng dụng thanh toán điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính...

Để thực hiện mục tiêu trên, thành phố tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý công tác cải cách hành chính, duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả Hệ thống quản lý công tác cải cách hành chính thành phố đến phường, xã, thị trấn, kết nối với hệ thống dữ liệu dùng chung của thành phố. Song song đó, thành phố tập trung phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT), xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, năng lượng, điện, nước... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Đến năm 2025, xây dựng hạ tầng IoT bao gồm cảm biến IoT theo các lĩnh vực khác nhau phục vụ nhu cầu về quản lý

và phát triển đô thị. Cùng với đó, thành phố chú trọng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức ở các bộ phận liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện tốt nhiệm vụ trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay.

Nhiều năm qua, với việc quan tâm, đầu tư, chỉ đạo sát sao của thành phố, công tác cải cách hành chính đã đạt được những kết quả quan trọng. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính không ngừng tăng lên qua từng năm. Tuy nhiên, TP. Hồ Chí Minh vẫn không ngừng nỗ lực tìm các giải pháp, mô hình mới để triển khai mạnh mẽ hơn nữa cải cách hành chính, thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, xem đây là chìa khóa, tiền đề để tăng cường sự phục vụ và nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, qua đó, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy sức mạnh của nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp chung sức xây dựng thành phố phát triển nhanh, bền vững.

Nguồn: nhandan.com.vn

CẦN THƠ: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ vừa có văn bản yêu cầu Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Cần Thơ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2020 tổ chức đánh giá, xác định nguyên nhân của các tồn tại, xây dựng, thực hiện kế hoạch hành động, giải pháp khắc phục tồn tại nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương.

Đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ yêu cầu chú trọng các nội dung mà người dân, tổ chức đánh giá chưa cao thông qua tỷ lệ: Người dân, tổ chức đi lại nhiều lần để giải quyết công việc, công chức gây phiền hà, sách nhiễu; công chức gợi ý nộp thêm tiền ngoài phí/lệ phí; cơ quan trả kết quả trễ hẹn; cơ quan không thông báo, không xin lỗi người dân, tổ chức về việc trễ hẹn trả kết quả; việc cơ quan tiếp nhận, xử lý các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức... Đồng thời, cần quan tâm đến nội dung mà người dân, tổ chức mong đợi cơ quan hành chính nhà nước tập trung cải thiện như: Mở rộng các hình thức thông tin tiếp cận dịch vụ hành chính công, đơn giản hóa thủ tục hành chính; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ yêu cầu phải tăng cường thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người

dân, tổ chức về mục đích, ý nghĩa, nội dung của Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính các cấp; chú trọng hơn trong việc hoàn thiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính. Đặc biệt, sử dụng có hiệu quả các phần mềm đang được triển khai áp dụng để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính các cấp;

Chú trọng hơn trong việc hoàn thiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính. Đặc biệt, sử dụng có hiệu quả các phần mềm đang được triển khai áp dụng để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính các cấp.

Chỉ đạo toàn diện, đôn đốc và kiểm tra thường xuyên việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giám sát chặt chẽ tiến độ và kết quả cụ thể của từng nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2021 của TP. Cần Thơ. Không để tình trạng khoán trắng cho công chức tham mưu cải cách hành chính, nhất là đối với các nội dung, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Bên cạnh đó, chỉ đạo toàn diện, đôn đốc và kiểm tra thường xuyên việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giám sát chặt chẽ tiến độ và kết quả cụ thể của từng nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2021 của thành phố. Không để tình trạng khoán trắng cho công chức tham mưu cải cách hành chính, nhất là đối với các nội dung, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Trước đó, theo kết quả công bố của Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ về Chỉ số cải cách hành chính năm 2020, cấp sở có 11 đơn vị xếp loại Tốt, 08 đơn vị xếp loại Khá và 01 đơn vị xếp loại Yếu, chỉ số trung bình đạt 83,80%. Cấp huyện không có đơn vị xếp loại Tốt, 05 đơn vị xếp loại Khá và 04 đơn vị xếp loại Trung bình, chỉ số trung bình đạt 73,74%, Chỉ số trung bình có sự sụt giảm đáng kể so với năm 2019.

Về kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn thành phố năm 2020. Chỉ số hài lòng của thành phố đạt 92,11%, tăng 4,78% so với năm 2019; trong đó, đánh giá mức “Rất hài lòng” có 41,56% ý kiến (giảm 0,04% so với năm 2019), đánh giá mức “Hài lòng” có 50,56% ý kiến (tăng 4,83% so với năm 2019). Tỷ lệ người dân đánh giá mức “Không hài lòng” là 0,25% (giảm 0,11% so với năm 2019), và có 0,09% ý kiến người dân đánh giá mức “Rất không hài lòng” (tăng 0,02% so với năm 2019).

Với những chỉ đạo quyết liệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ, hy vọng năm 2021 thành phố sẽ cải thiện và đạt được nhiều thành quả trong công tác cải cách hành chính, nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính các cấp.

Trung Hậu, Sở Nội vụ TP. Cần Thơ

QUẢNG NINH: TIẾP TỤC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH

Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh Nguyễn Xuân Ký vừa có thư khen gửi Bí thư cấp ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các địa phương và thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Quảng Ninh về thành tích 4 năm liên tục giữ vị trí dẫn đầu toàn quốc về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) kể từ năm 2010 đến nay.

Trước đó, ngày 15/4 vừa qua, theo thông tin tại lễ công bố kết quả xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh toàn quốc do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ (USAID) tổ chức, tỉnh Quảng Ninh 4 năm liên tiếp (từ năm 2017 đến năm 2020) đoạt vị trí quán quân trên bảng xếp hạng về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và 8 năm liên tiếp nằm trong nhóm 5 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất cả nước.

Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2020 được xây dựng dựa trên thông tin phản hồi từ gần 12.300 doanh nghiệp; trong đó có trên 10.700 doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động tại 63 tỉnh, thành phố và gần 1.600 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại 22 địa phương tại Việt Nam.

Như vậy, ngay trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện tốt mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 là khẳng định mục tiêu hàng năm, giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI).

Năm 2020, điểm tổng hợp Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Quảng Ninh là 75,09 điểm, tăng 1,69 điểm so với năm 2019, là địa phương duy nhất đạt thang điểm trên 75 trong bảng xếp hạng năm nay. Đây cũng là điểm số cao nhất từ trước tới nay của tỉnh Quảng Ninh.

Kết quả xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2020 của tỉnh Quảng Ninh tiếp tục khẳng định niềm tin của nhân dân với chính quyền và đặc biệt là sự đánh giá hài lòng ngày càng cao của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư; phản ánh chính xác, khách quan hiệu quả điều hành, quản lý Nhà nước của tỉnh Quảng Ninh, nhất là trong bối cảnh năm 2020 - năm đặc biệt khó khăn với cộng đồng doanh nghiệp do những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19.

Theo Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh, kết quả này không chỉ khẳng định sự ghi nhận, niềm tin của người dân cộng đồng doanh nghiệp mà còn là động lực to lớn, khích lệ chính quyền và cả hệ thống chính trị của tỉnh Quảng Ninh tiếp tục nỗ lực đổi mới, sáng tạo cải cách hành chính, cải thiện đầu tư kinh doanh và là sự cộng hưởng giá trị quan trọng trong bối cảnh năm 2020 gặp nhiều khó khăn, thách thức chưa từng có do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

Tỉnh Quảng Ninh là địa phương trọng điểm, tuyến đầu chống dịch, song vẫn giữ vững vị thế là địa bàn “An toàn - ổn định - phát triển” trong trạng thái bình thường mới, trở thành điểm sáng trong thực hiện thành công “mục tiêu kép”, vừa kiểm soát tốt dịch bệnh, vừa nhanh chóng phục hồi sản xuất, kinh doanh, lấy lại đà tăng trưởng hai con số, chăm lo đời sống của người dân, bảo đảm an sinh xã hội.

Nguồn: baoquangninh.com.vn

HÒA BÌNH: HUYỆN YÊN THỦY ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Việc đẩy mạnh cải cách hành chính đã góp phần đưa kinh tế của huyện Yên Thủy (tỉnh Hòa Bình) có nhiều chuyển biến tích cực: giá trị tăng thêm bình quân đầu người tăng; tỷ lệ hộ nghèo giảm; đời sống nhân dân ổn định; từng bước huy động được các thành phần kinh tế, các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới...

Trong những năm qua, thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân huyện Yên Thủy đã chỉ đạo sát sao việc rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính ở cấp huyện, cấp xã. Nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả từ cấp huyện đến cấp xã, qua đó thay đổi phương thức giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch. Hồ sơ tiếp nhận giải quyết cơ bản đảm bảo thời gian quy định, được các tổ chức, cá nhân đánh giá cao về kết quả thực hiện.

Cùng với đó, huyện Yên Thủy chú trọng cải cách tổ chức bộ máy Nhà nước. Chia sẻ về vấn đề này, ông Bùi Liên Huy, Trưởng Phòng Nội vụ huyện Yên Thủy cho biết: Để triển khai có hiệu quả chủ trương tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết số 18, Nghị quyết số 19-NQ/TW, huyện Yên Thủy đã hoàn thành xây dựng đề án vị trí việc làm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; xây dựng quy hoạch cán bộ quản lý các phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập; xây dựng xong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của 13/13 phòng chuyên môn, phân công nhiệm vụ đối với lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện và các ủy viên Ủy ban nhân dân. Thực hiện nhập xã Lạc Hưng vào xã Bảo Hiệu, nhập xã Yên Lạc vào thị trấn Hàng Trạm; nhập, đặt tên, đổi tên xóm, khu phố, từ 158 xóm, khu phố giảm còn 115 xóm, khu phố.

Hàng năm, huyện Yên Thủy còn chú trọng xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức dựa trên nhu cầu thực tế tại địa phương và thực trạng chất lượng cán bộ, công chức, viên chức hiện có. Nhờ đó, nội dung các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ đều đáp ứng được yêu cầu trang bị thêm kiến thức về lĩnh vực then chốt như: Cải cách hành chính, giáo dục, nông thôn mới, tài chính ngân sách... Chất lượng đội ngũ các cấp được nâng lên; tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học, sau đại học ngày càng

cao, đáp ứng được tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm. Đến nay, 100% cán bộ cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn, nhiều cán bộ vượt chuẩn; 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn, trong đó có 86,46% vượt chuẩn.

Nền hành chính được hiện đại hoá với việc tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước. Đến nay, 100% cơ quan, đơn vị nối mạng internet phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; áp dụng các phần mềm trong thực hiện công việc như: Phần mềm quản lý văn bản, chữ ký số, phần mềm một cửa điện tử, phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính đối với cấp xã, cấp huyện... Từ đó giúp cho việc xử lý văn bản, chuyển văn bản nhanh chóng, kịp thời, rút ngắn thời gian, tiết kiệm văn phòng phẩm... Trách nhiệm, quy trình giải quyết hồ sơ công việc được quy định chặt chẽ, rõ ràng cho từng tổ chức, cá nhân ở từng cơ quan, đơn vị. Tăng cường ban hành, phát hành văn bản điện tử, trao đổi, xử lý tài liệu điện tử tại các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn. Tiếp tục triển khai thực hiện đề án "Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã". Triển khai xây dựng đề án chính quyền điện tử huyện giai đoạn 2020 - 2025.

Đánh giá về những kết quả của công tác cải cách hành chính của huyện Yên Thủy trong những năm qua, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Thủy Bùi Văn Hải khẳng định: Việc đẩy mạnh cải cách hành chính đã góp phần đưa kinh tế của huyện có những chuyển biến tích cực. Giá trị tăng thêm bình quân đầu người đạt 41,2 triệu đồng/năm. Tỷ lệ hộ nghèo còn 8,38%. Tổng thu ngân sách Nhà nước ước thực hiện 65,15 tỷ đồng; văn hóa - xã hội có tiến bộ, đời sống Nhân dân ổn định; từng bước huy động được các thành phần kinh tế, các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, với 5/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 9 khu dân cư kiểu mẫu, 42 vườn mẫu đã cải thiện đáng kể bộ mặt nông thôn; an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định.

Nguồn: dangcongsan.vn

NINH BÌNH: BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THU HÚT ĐẦU TƯ

Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình tích cực triển khai các giải pháp cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư cho quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư, triển khai dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Năm 2021, là năm đầu tiên trong giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện mục tiêu “Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số hướng tới chính quyền số kinh tế số, xã hội số” của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XXII nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Quản lý các khu công nghiệp đã đưa 42 thủ tục hành chính giải quyết tại Trung tâm Phục vụ

hành chính công tỉnh, đăng tải công khai, kịp thời trên hệ thống dịch công quốc gia và cổng dịch vụ công tỉnh Ninh Bình trang thông tin điện tử của Ban Quản lý các khu công nghiệp, với 04 lĩnh vực Quản lý đầu tư, Môi trường, Quy hoạch - Xây dựng và Quản lý lao động. Số thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 là 37 thủ tục hành chính chiếm 88% tổng số thủ tục hành chính. Riêng thủ tục hành chính mức độ 4 là 21 thủ tục hành chính chiếm 50% tổng số thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, Ban Quản lý cũng từng bước ứng dụng thông tin trong các hoạt động thường xuyên để giúp cho công tác điều hành được nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Cụ thể, trong lĩnh vực lao động, Ban Quản lý đang thực hiện việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài qua hai hình thức là qua bộ phận một cửa và qua internet. Trong Quý 1/2021, Ban Quản lý đã tiếp nhận 50 hồ sơ trong đó đã giải quyết trước hạn và đúng hạn cho 47 hồ sơ, 3 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được cán bộ Ban Quản lý các khu công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hướng dẫn nhiệt tình, trách nhiệm, đúng pháp luật, hầu hết được các doanh nghiệp đánh giá mức độ rất hài lòng.

Phó Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình Trần Mạnh Hiền chia sẻ: Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ trong việc thực thi công vụ, đồng thời bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao trách nhiệm, đạo đức của cán bộ thực thi công vụ giải quyết thủ tục hành chính nhằm thu hút đầu tư. Tiếp tục rà soát và đơn giản hóa, rút ngắn quy trình thủ tục để giải quyết các thủ tục đặc biệt là thủ tục cấp phép đầu tư cho các nhà đầu tư đến đầu tư kinh doanh trong các khu công nghiệp tại tỉnh Ninh Bình, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

Ban Quản lý cũng luôn chủ động đôn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật như chế độ chính sách pháp luật đối với người lao động, các quy định về bảo vệ môi trường, hoạt động đầu tư, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, thường xuyên nắm bắt những khó khăn vướng mắc để tháo gỡ cho doanh nghiệp. Nhờ đó tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp vẫn tăng trưởng ổn định, doanh thu Quý 1/2021 đạt hơn 19000 tỉ đồng, tăng 12,6% so với cùng kỳ, tạo việc làm ổn định cho gần 41 nghìn người lao động.

Nguồn: baophapluat.vn

THANH HÓA: PHÒNG HỌP KHÔNG GIẤY “HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ”

Giảm văn bản hành chính trong mỗi cuộc họp, tiết kiệm chi phí in ấn tài liệu, rút ngắn thời gian chuẩn bị họp, tăng cường sự tương tác giữa các thành viên dự họp, nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành... là những hiệu quả bước đầu kể từ khi các địa phương triển

khai hệ thống “Phòng họp không giấy”. Với nhiều ưu điểm nổi trội, “Phòng họp không giấy” cần được nhân rộng, tạo bước tiến mới trong công tác cải cách hành chính.

TP. Thanh Hóa là địa phương đầu tiên trong tỉnh áp dụng hệ thống “Phòng họp không giấy”. Trước đây, để chuẩn bị cho cuộc họp giao ban giữa chủ tịch, các phó chủ tịch với các phòng, ban chuyên môn, Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Thanh Hóa phải thực hiện rất nhiều công đoạn như tập hợp tài liệu, photo, phân loại tài liệu. Số lượng tài liệu phải photo, in ấn rất nhiều, một số trường hợp nhầm lẫn văn bản khi chia bộ tài liệu; có trường hợp nhầm trang, có trường hợp thiếu văn bản, có trường hợp lẫn nội dung các văn bản với nhau... Từ tháng 8/2019 đến nay, những công đoạn đó đã được thay thế bằng hệ thống “Phòng họp không giấy”. Mỗi cán bộ Ủy ban nhân dân TP. Thanh Hóa đều có một tài khoản riêng để tự đưa tài liệu lên hệ thống. Trước mỗi cuộc họp, dự thảo nội dung và tài liệu liên quan đến cuộc họp được bộ phận phụ trách tổng hợp gửi lãnh đạo phê duyệt. Sau đó, bộ phận phụ trách cập nhật lên hệ thống để các thành viên tham dự cuộc họp tham chiếu, ghi chú và chuẩn bị ý kiến đóng góp. Khi bắt đầu cuộc họp, trên màn hình của người chủ trì cuộc họp sẽ thấy được những người có mặt thông qua vị trí chỗ ngồi của từng đại biểu, ai vắng người chủ trì sẽ biết ngay. Chức năng này giống như điểm danh tức thời, thay vì phải mất thời gian điểm danh như những cuộc họp trước đây. Với mô hình này, nguồn tài liệu mở và luôn sẵn sàng để các đại biểu tra cứu trên hệ thống. Sau khi họp xong, kết quả biểu quyết, ý kiến chỉ đạo, kết luận sẽ được tổng hợp và thông báo đến các đơn vị, cá nhân liên quan. Gần 2 năm thực hiện, TP. Thanh Hóa đã tổ chức rất nhiều cuộc họp theo hình thức này và đã mang lại nhiều tiện ích thiết thực.

Là huyện miền núi, huyện Cẩm Thủy đã triển khai nhiều giải pháp cải cách thủ tục hành chính nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong công tác điều hành, xử lý công việc cũng như phục vụ Nhân dân. Đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai hệ thống “Phòng họp không giấy” để rút ngắn thời gian xử lý công việc. Theo Trưởng phòng Phòng Nội vụ huyện Cẩm Thủy Hoàng Trung Hải thì đây là một trong những bước cải cách căn bản trong mục tiêu cải cách hành chính của huyện. “Phòng họp không giấy” tiết kiệm rất nhiều văn bản giấy tờ, là một trong những môi trường về công nghệ thông tin rất tốt phục vụ cho công tác quản trị và quản lý. Mỗi một cá nhân đều có 1 hộp thư và có 1 địa chỉ trên cả máy tính xách tay và điện thoại cầm tay. Để triển khai “Phòng họp không giấy”, VNPT Thanh Hóa đã hướng dẫn, cài đặt phần mềm trên các thiết bị như điện thoại thông minh, máy tính bảng. Sau đó bộ phận phụ trách cập nhật lên hệ thống VNPT eCabinet để các thành viên tham dự cuộc họp nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến đóng góp. Ngoài ra, hệ thống còn có tính năng đăng ký phát biểu. Trong suốt cuộc họp, khi cần phát biểu, người họp có thể bấm vào mục đăng ký phát biểu. Từ danh sách đăng ký phát biểu của các đại biểu được lưu lại qua các cuộc họp, người chủ trì có thể nắm được số lần phát biểu của từng người, những người ít đóng góp ý kiến hoặc không bao giờ phát biểu.

Tiếp tục thực hiện khâu đột phá về cải cách thủ tục hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tỉnh Thanh Hóa đã triển khai dự án thí điểm mô hình “Phòng họp không giấy” tại huyện Như Thanh. Dự án có tổng mức đầu tư 2,5 tỷ đồng từ ngân sách, được thực hiện trong 2 năm 2020 - 2021. Thực hiện dự án, huyện Như Thanh được đầu tư 40 máy tính xách tay và các phụ kiện đi kèm. Đối với cấp xã được đầu tư thiết bị di động để ký số văn bản

(mỗi xã 3 máy tính bảng cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã), đầu tư máy scan tốc độ cao, máy tính tại bộ phận “một cửa” cấp xã. Như Thanh là huyện miền núi, khoảng cách từ trung tâm huyện đến xã xa nhất là hơn 40km, giao thông không thuận lợi. Từ khi dự án được triển khai đã góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng, qua đó tiết kiệm chi phí, rút ngắn thời gian giải quyết và công khai, minh bạch quá trình xử lý công việc.

Trước sự phát triển công nghệ thông tin, việc chuyển đổi từ phòng họp truyền thống sang “Phòng họp không giấy” là rất cần thiết. Mô hình nếu được ứng dụng đồng loạt sẽ rất thiết thực, hiệu quả. Đến nay, tỉnh Thanh Hóa đã có 18 sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố triển khai hệ thống “Phòng họp không giấy”. Hướng đến cải cách thủ tục hành chính toàn diện, chuyên nghiệp, hiện đại, tạo lập môi trường làm việc ngày càng công khai, minh bạch và tiện lợi, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị cần vào cuộc quyết liệt, tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để nhân rộng “Phòng họp không giấy”. Việc hình thành nền hành chính không giấy tờ là cơ sở quan trọng để xây dựng thành công đề án chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nguồn: baothanhhoa.vn

GIA LAI: THÀNH PHỐ PLEIKU KHAI TRƯƠNG TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Thực hiện đề án xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030, ngày 20/4/2021, Gia Lai đã tổ chức “Lễ khai trương Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Pleiku” (viết tắt là IOC), đây là nhiệm vụ đầu tiên thuộc 10 nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, với mục tiêu khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, bảo vệ môi trường bền vững; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và các dịch vụ đô thị và là một trong những giải pháp trọng tâm nhằm thúc đẩy chuyển đổi số cũng như xây dựng chính quyền điện tử trên địa bàn thành phố.

Chức năng trọng tâm của IOC gồm: Giám sát, điều hành chỉ tiêu kinh tế - xã hội; chỉ tiêu báo cáo, thống kê; giám sát hiệu quả hoạt động chính quyền; giám sát quản lý, sử dụng đất đai; giám sát, điều hành an ninh trật tự cộng đồng; an toàn giao thông; tương tác, giao tiếp phục vụ công dân; giám sát chất lượng môi trường; giám sát, điều hành lĩnh vực y tế, giáo dục, du lịch và giám sát thông tin trên internet...

Trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về công nghệ thông tin, IOC được kỳ vọng sẽ là “bộ não số” giúp lãnh đạo thành phố Pleiku có cái nhìn toàn cảnh về thông tin liên quan đến các hoạt động của đơn vị. Đây còn là nơi phân tích dữ liệu lớn, đưa ra cảnh báo, hỗ trợ ra quyết định ở nhiều lĩnh vực khác đảm bảo nhanh chóng, chính xác, minh bạch và tăng tính tương tác giữa các cơ quan trong tỉnh Gia Lai với người dân khi phát sinh những sự cố, vấn đề liên quan tới hạ tầng đô thị, giao thông, môi trường...

Tại buổi lễ, Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku cũng đã giới thiệu về App Pleiku smart. App Pleiku smart giúp người dân phản ánh về các lĩnh vực dễ dàng, nhanh chóng. Những phản ánh này được Trung tâm tiếp nhận và xử lý ngay, kết quả được đăng tải liền sau đó để người dân có thể giám sát, phản hồi.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị IOC cần tăng cường phản hồi ý kiến, kiến nghị của người dân thông qua hệ thống một cách nhanh nhất; đồng thời, từ thực tiễn đi vào hoạt động, dần cải tiến khắc phục những tồn tại và nâng cao chức năng hoạt động của IOC; mục tiêu hướng tới là xây dựng IOC hoạt động đơn giản, dễ tiếp cận và hiệu quả. Xây dựng đô thị thông minh sẽ làm cho Pleiku trở thành thành phố an toàn, môi trường quản lý tốt và các dịch vụ du lịch được hoàn thiện. Công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo thành phố Pleiku sẽ đạt hiệu quả hơn. Đặc biệt, công tác quản lý đô thị sẽ được thay đổi căn bản, đảm bảo phát triển bền vững. Tất cả góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Thu Hiền, Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai

BÌNH PHƯỚC: ĐẾN NGÀY 19/5 PHẢI ĐỒNG BỘ HÓA 100% THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐIỆN TỬ

Phát biểu tại Hội nghị triển khai công tác chống thất thu và thu nộp ngân sách do Cục Thuế Bình Phước chủ trì mới đây, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước Trần Tuệ Hiền cho biết, tỉnh đang quyết tâm đến ngày 19/5 phải đồng bộ hóa 100% thủ tục hành chính theo phương thức điện tử liên thông.

Theo bà Hiền, sau một thời gian triển khai quyết liệt với quyết tâm cao của các cấp lãnh đạo, của cả hệ thống chính trị, các ngành chức năng Bình Phước đã nâng bậc xếp hạng cải cách thủ tục hành chính từ 47 lên 15 trong cả nước.

Đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản chỉ đạo kèm theo nhiều cuộc họp triển khai lộ trình cải cách hành chính với quyết tâm đến ngày 19/5/2021 toàn tỉnh phải hoàn thành đồng bộ hóa 100% bộ thủ tục hành chính một cửa liên thông.

Cũng theo bà Hiền, trong khoảng 1 tuần đầu tháng 4/2021, các đơn vị sở, ngành, địa phương phải làm việc cật lực để hoàn thành đồng bộ hóa khoảng 500 bộ thủ tục hành chính, dịch vụ công.

Trong số đó, các ngành thuộc Bộ Tài chính gồm: Thuế, Hải quan, Kho bạc nhà nước... có số lượng thực hiện cải cách đồng bộ hóa thủ tục hành chính chiếm tỷ rất lớn, rất hiệu quả trong chương trình tổng thể.

Hiện nay tại một số địa phương của tỉnh Bình Phước, thị trường bất động sản đang âm lên cũng là thời điểm tỷ lệ người dân đến các cơ quan thuế, tài nguyên - môi trường, chính quyền Ủy ban nhân dân các cấp để làm thủ tục chuyên nhượng, cấp phép rất đông. Các đơn vị này đã phải bố trí tối đa nhân lực làm việc cả ngoài giờ, thêm giờ nhưng vẫn không thể đáp ứng nhu cầu.

Theo bà Hiền, nếu việc đồng bộ hóa thủ tục hành chính điện tử được áp dụng hoàn thành và thông suốt sẽ giải quyết một khối lượng công việc rất lớn, nhanh nhất, hiệu quả nhất, giúp giảm tải cho cả người dân và cơ quan nhà nước trong lĩnh vực này.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 18/6/1997 về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và Kết luận số 37-KL/TW ngày 02/02/2009 của Ban Chấp hành Trung ương về thực hiện “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2020” cho thấy đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta đã có những bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đông nhưng chưa mạnh, cơ cấu chưa hợp lý, một bộ phận có biểu hiện thoái hóa, biến chất, tham nhũng... gây bức xúc trong Nhân dân.

Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ,... và năng lực, kinh nghiệm thực tiễn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhiều tiến bộ, cơ bản bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 Khóa VIII. Số cán bộ có trình độ sau đại học tăng lên rõ rệt, riêng trong 5 năm từ 2009 đến 2014, số người có trình độ đại học và trên đại học tăng gần 2 lần, từ 4,4% lên 7,3%. Số lượng cán bộ được quy hoạch khá dồi dào, bảo đảm sự chuyển tiếp giữa các thế hệ. Qua mỗi kỳ Đại hội Đảng, cấp ủy các cấp đổi mới khoảng 40%; Ban Chấp hành Trung ương Đảng đổi mới cao hơn (Khóa IX là 42%, Khóa X là 54,7%, Khóa XI 47%, Khóa XII là 48%).

Nhìn chung, đa số cán bộ, công chức, viên chức có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức rèn luyện, phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với xu thế hội nhập, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Đa số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước ở các cấp có năng lực, phẩm chất, uy tín, nhất là cán bộ cấp chiến lược có tư duy đổi mới, có năng lực hoạch định đường lối, chính sách và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hầu hết cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang được rèn luyện thử thách qua thực tiễn, trung thành với Đảng, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc. Nhiều cán bộ khoa học tâm huyết, say mê nghiên cứu, có nhiều đóng góp tích cực cho đất nước. Một số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước thích ứng nhanh với cơ chế thị trường, tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước những năm qua.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị đông nhưng chưa mạnh. Cơ cấu giữa các ngành nghề, lĩnh vực, vùng miền chưa thật sự hợp lý; tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ còn xảy ra ở nhiều nơi; thiếu sự liên thông giữa các cấp, các ngành; tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số chưa đạt mục tiêu đề ra. Độ tuổi bình quân của cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở một số Bộ, ban, ngành, địa phương và trong lực lượng vũ trang còn cao. Số lượng sĩ quan, kể cả cấp tướng trong lực lượng vũ trang tăng nhanh. Thiếu những cán bộ lãnh đạo, quản lý, quản trị giỏi, nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành trên một số lĩnh vực, tỷ lệ cán

bộ nghiên cứu khoa học trên tổng dân số còn thấp, tình trạng chạy theo bằng cấp, học hàm, học vị còn nhiều; các công trình khoa học, dự án đóng góp vào sự phát triển đất nước chưa xứng với học hàm, học vị. Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều, có mặt còn hạn chế; một bộ phận cán bộ thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường; trình độ ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp, làm việc trong môi trường quốc tế còn yếu; chưa phát huy tốt tiềm năng cán bộ; năng suất lao động, hiệu quả làm việc thấp; không ít cán bộ trẻ còn thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ, không ít cán bộ vi phạm kỷ luật Đảng và bị xử lý theo pháp luật.

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí; thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thoái hóa, biến chất, không làm tròn bổn phận trước Đảng, trước Nhân dân. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thiếu tinh thần trách nhiệm, vô cảm trước những khó khăn của người dân, cục bộ địa phương.

Tình trạng cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, tham nhũng, tiêu cực... còn diễn biến phức tạp, chậm được khắc phục; một số tính đảng kém, bộc lộ tham vọng cá nhân, kèn cựa địa vị, gia trưởng, độc đoán, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, chối bỏ trách nhiệm khi xảy ra sai phạm, không muốn từ chức khi không hoàn thành nhiệm vụ được giao; tùy tiện, bất chấp nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng; dao động, mất lòng tin, sa vào chủ nghĩa cá nhân, mê tín, dị đoan; có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý thiếu gương mẫu, gia trưởng, quan liêu, xa dân, chưa thật sự gần bó máu thịt, mật thiết với Nhân dân; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Không ít cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước tính Đảng yếu, suy thoái, lợi dụng sơ hở, cố ý làm trái làm thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển, chạy tội... còn xảy ra khá phổ biến ở các cấp, các ngành, nhưng chậm được ngăn chặn và đẩy lùi, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Trong những năm qua (2011 - 2020), để xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Đảng và Nhà nước đã tập trung thể chế hoá, cụ thể hoá Nghị quyết thành các quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực theo Hiến pháp năm 2013; kiên quyết xoá bỏ tệ chạy chức, chạy quyền; ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh thực hiện chủ trương bố trí bí thư cấp uỷ cấp tỉnh, cấp huyện không là người địa phương; hoàn thành việc xây dựng vị trí việc làm và rà soát, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ các cấp gắn với kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Kết quả đạt được

Về ưu điểm: Hội nghị Trung ương 7 khóa XII đánh giá khái quát: Sau hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII về Chiến lược cán bộ, đội ngũ cán bộ các cấp có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; cơ cấu độ

tuổi, giới tính, dân tộc, ngành nghề, lĩnh vực công tác có sự cân đối, hợp lý hơn; nguồn cán bộ quy hoạch khá dồi dào, cơ bản bảo đảm sự chuyển tiếp giữa các thế hệ. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật, luôn tu dưỡng, rèn luyện, trình độ, năng lực được nâng lên, phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, thích ứng với xu thế hội nhập, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Đa số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp có năng lực, phẩm chất, uy tín...

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng lên, cơ cấu hợp lý hơn. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, bộ máy hành chính nhà nước ngày càng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn. Công tác quản lý cán bộ, công chức có nhiều đổi mới, tiến bộ...

Về hạn chế, yếu kém: Đội ngũ cán bộ đông nhưng chưa mạnh, cơ cấu cán bộ công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cải cách hành chính còn chậm, thiếu đồng bộ; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối, hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Công tác cán bộ còn nhiều hạn chế, bất cập, việc thực hiện một số nội dung còn hình thức.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên do nhiều nguyên nhân, có nguyên nhân khách quan và chủ quan. Cụ thể:

Về nguyên nhân khách quan, do việc thực hiện đổi mới kinh tế phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, chưa lường hết được những tác động của mặt trái cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế, chưa có sự chuẩn bị thật kỹ về lập trường, tư tưởng và cả cách thức tiếp cận mới cho cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, còn thiếu những cơ chế, chính sách đồng bộ, khoa học để chủ động ngăn ngừa những vi phạm.

Đất nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, xây dựng, phát triển với quy mô ngày càng lớn, một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý nắm giữ khối lượng tài sản, nguồn vốn lớn của tập thể, của Nhà nước, đó là môi trường để chủ nghĩa cá nhân vụ lợi, thực dụng phát triển.

Các thế lực thù địch không từ bỏ âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tăng cường hoạt động chống phá, chia rẽ nội bộ Đảng và phá hoại mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân, làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng.

Về nguyên nhân chủ quan, cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu, quên đi trách nhiệm, bổn phận trước Đảng, trước Nhân dân. Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị, quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở một số nơi chưa đến nơi đến chốn, kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, nói không đi đôi với làm, hoặc làm chiếu lệ. Các nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình ở nhiều nơi vừa bị buông lỏng trong thực hiện, vừa chưa được quy định cụ thể để làm cơ sở cho công tác kiểm tra, giám sát.

Việc nghiên cứu, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật thích ứng với quá trình vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa kịp thời; nhiều văn bản quy định thiếu chế tài cụ thể.

Đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ còn nể nang, cục bộ, chưa chú trọng phát hiện và có cơ chế thật sự đề trọng dụng người có đức, có tài; không kiên quyết thay thế người vi phạm, uy tín giảm sút, năng lực yếu kém.

Ngoài ra, công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống nhiều khi còn hình thức, chưa đủ sức động viên và thường xuyên nâng cao ý chí cách mạng của cán bộ, đảng viên; một số nơi có tình trạng những việc làm đúng, gương người tốt không được đề cao, bảo vệ; những sai sót, vi phạm không được phê phán, xử lý nghiêm minh.

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi, nhiều cấp chưa thường xuyên, ráo riết; đấu tranh với những vi phạm còn nể nang, không nghiêm túc. Vai trò giám sát của Nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được phát huy, hiệu quả chưa cao.

3. Giải pháp xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế về cán bộ, công chức, viên chức, trong đó chú trọng cải tiến về chế độ thi tuyển công chức, viên chức, chú trọng các nguyên tắc bình đẳng, công khai; các đề thi phải phân loại được trình độ cùng với kiến thức chuyên môn thì nên nghiên cứu các đề thi về kỹ năng. Cố gắng xây dựng một ngân hàng đề thi để tổ chức thi chung cho cả nước.

Tập trung vào việc nghiên cứu, triển khai quy định về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức: Giáo dục tính liêm chính, đạo đức công vụ đối cán bộ, công chức, viên chức coi đây là công việc thực sự quan trọng; Xây dựng và thực thi chế tài nghiêm khắc, nghiêm trị những hành vi vi phạm pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức “không dám” thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức công vụ và đạo đức xã hội; Thiết lập thể chế chặt chẽ, minh bạch, công khai nhằm ngăn ngừa những hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện chế độ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình về tài sản của cán bộ, công chức, viên chức trước, trong và sau khi rời khỏi nhiệm sở...

Thứ hai, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, thực hiện tuyển dụng theo nguyên tắc đúng người, đúng việc; lấy công việc và hiệu quả công việc làm tiêu chí lựa chọn nhân sự. Thi tuyển phải thực sự khách quan, công tâm và công bằng trong việc xây dựng cơ chế thi tuyển công chức.

Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tuyển dụng, sử dụng, quản lý biên chế cho người đứng đầu tổ chức sử dụng cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện bố trí, sử dụng nhân sự theo cơ chế giao việc, khoán việc và quy trách nhiệm đến cùng. Áp dụng chế độ vị trí việc làm để xác định tiền lương, tiền công và các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Có thái độ kiên quyết, dứt khoát đối với những cán bộ, công chức, viên chức không đáp ứng được công việc. Kiên quyết đưa ra khỏi nền công vụ những người không làm được việc, đồng thời giải quyết thỏa đáng chế độ tài chính cho những đối tượng này, để bảo đảm trong cơ quan nhà nước thực sự chỉ có người làm được việc và cống hiến cho cơ quan, đơn vị.

Thực hiện đánh giá công chức dựa trên vị trí việc làm và hiệu quả công việc. Bảo đảm tính công bằng trong đánh giá, không đánh đồng và đồng nhất kết quả đánh giá giữa các đối tượng công chức khác nhau và giữa các công chức chuyên môn với công chức giữ vị trí lãnh đạo, quản lý. Cải cách chế độ, chính sách tiền lương để tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Gắn việc đào tạo, bồi dưỡng với thực tiễn quản lý, điều hành.

Thứ ba, nâng cao năng lực điều hành, lãnh đạo, chỉ đạo trong hoạt động công vụ, tăng cường phân cấp, giao trách nhiệm cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm trong việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác cán bộ; xác minh, xử lý công khai, minh bạch các thông tin được phương tiện thông tin đại chúng hoặc Nhân dân cung cấp.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; tổ chức đoàn công tác của Thủ tướng Chính phủ kiểm tra hoạt động công vụ tại các Bộ, ngành, địa phương, tập trung vào nội dung chấp hành các quy định của pháp luật, kỷ luật, kỷ cương hành chính. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy định về văn hóa công vụ tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật. Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc trong toàn hệ thống chính trị và bộ máy công quyền nhà nước. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, ngăn chặn tệ “tham nhũng vặt”, biểu hiện nhũng nhiễu, phiền hà trong giải quyết công việc đối với người dân và doanh nghiệp; xử lý nghiêm việc chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương công vụ; chú trọng đến văn hóa ứng xử của đội ngũ trực tiếp tiếp xúc với người dân, doanh nghiệp. Tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của toàn xã hội, của hệ thống chính trị và bộ máy công quyền nhà nước; lên án các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, mê tín, dị đoan, chạy theo lối sống thực dụng, trục lợi, vi phạm pháp luật, đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

Công khai, minh bạch trình tự, thủ tục hành chính giải quyết các công việc tại trụ sở các cơ quan. Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải cách thủ tục hành chính, trong đó đặc biệt tập trung vào ứng dụng công nghệ thông tin; vận hành trực liên thông văn bản quốc gia để giảm bớt thủ tục hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu suất công việc, giảm thời gian xử lý văn bản.

Nguồn: Báo cáo chuyên đề của Bộ Nội vụ tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

CÁN BỘ ‘DÁM NGHĨ, DÁM LÀM’ VÀ NHỮNG ĐỘNG LỰC CHO PHÁT TRIỂN

Tại phiên họp Chính phủ đầu tiên sau khi được kiện toàn nhân sự, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã nêu rõ yêu cầu “bắt tay ngay vào công việc, làm việc nào dứt việc đó” với tinh thần “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm” và chỉ một ngày sau, Nghị quyết phiên họp đã được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

Cùng với bài phát biểu sau khi tuyên thệ nhậm chức tại Quốc hội của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Nghị quyết phiên họp đã nêu những quan điểm, định hướng lớn, rõ ràng trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cũng như một số nội dung trọng tâm cần tập trung chỉ đạo thực hiện ngay trong thời gian tới. Công việc trước mắt rất nhiều và nặng nề, đòi hỏi cả bộ máy hành chính từ trên xuống dưới, phải xắn tay ngay vào công việc, làm việc với tinh thần cao nhất, trách nhiệm nhất...

Trên cơ sở quán triệt, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước, theo tinh thần “tất cả vì lợi ích của quốc gia, dân tộc, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân”, “lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, Nghị quyết nêu rõ các quan điểm trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, cũng như yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các cơ quan trong hệ thống hành chính và từng cán bộ, công chức trong xử lý công việc, trong mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa cán bộ với Nhân dân và doanh nghiệp. Người dân mong với tinh thần này, với việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, sẽ loại dần được thói vô cảm của một số cán bộ khi xử lý công việc.

Một trong những thông điệp quan trọng của Nghị quyết là sẽ phân cấp, phân quyền thật rõ ràng, cụ thể, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; chủ động xử lý công việc theo thẩm quyền, tăng cường phối hợp, không đùn đẩy trách nhiệm.

“Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ giải quyết những việc thuộc thẩm quyền; không quyết định thay những việc đã phân cấp, ủy quyền hoặc thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan, địa phương”, Nghị quyết nêu rõ hơn về mối quan hệ công tác giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, cơ quan, địa phương.

Cùng với đó, phải tạo môi trường đổi mới, sáng tạo và khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Cụm từ “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm” được nhắc tới 3 lần trong Nghị quyết này. Trước đó, trong phát biểu nhậm chức trước Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ cũng nhấn mạnh yêu cầu cải cách mạnh mẽ nền hành chính quốc gia, có cơ chế khuyến khích và bảo vệ các cán bộ như vậy. Lâu nay, cụm từ “bảo vệ người dám nghĩ dám làm” được nhắc đến đâu đó nhưng lần này đã được đưa vào Nghị quyết đầu tiên của Chính phủ sau kiện toàn, điều đó có ý nghĩa vô cùng lớn đối với những cán bộ chủ động, sáng tạo trong công việc, mạnh dạn đổi mới vì sẽ có cơ chế để bảo vệ họ...

Điều này có ý nghĩa hệ trọng, trong bối cảnh Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 khâu đột phá chiến lược, nhưng cũng đồng thời đánh giá thời gian qua, “tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu”. Một trong những nguyên nhân dẫn tới điều này và những hạn chế, yếu kém khác, là do một bộ phận cán bộ chưa dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, còn tình trạng né tránh trách nhiệm, thậm chí đùn đẩy trách nhiệm, công việc của mình lên cấp trên hoặc trả lời vòng vo, làm tốn thời gian, công sức, đôi khi mất đi cơ hội của người dân, doanh nghiệp.

Cách làm việc đó khiến dẫn tới nhiều tồn đọng kéo dài, nhiều vướng mắc về cơ chế, thể chế, chính sách không được tháo gỡ kịp thời, hậu quả cuối cùng là không huy động, giải phóng được hết, không sử dụng được hiệu quả nhất mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Trước những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao từ thực tiễn của đất nước trong giai đoạn phát triển mới, muốn phát huy được vai trò của đội ngũ cán bộ - cái gốc của mọi công việc, thì một mặt, vừa phải phân rõ trách nhiệm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương; mặt khác, vừa phải tạo môi trường, khuyến khích, bảo vệ những yếu tố, nhân tố đổi mới, sáng tạo như Nghị quyết đã chỉ ra.

Một điểm quan trọng khác trong Nghị quyết là các yêu cầu đặt ra trong xử lý công việc của các cơ quan hành chính và đội ngũ cán bộ.

Theo Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội rất nặng nề và điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ trong xử lý công việc “suy nghĩ phải kỹ lưỡng, tư tưởng phải thông, quyết tâm phải cao, nỗ lực phải lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào dứt việc đó”. Chống phô trương, hình thức.

Đối với những vấn đề đột xuất, bất ngờ phải nắm chắc tình hình, bám sát thực tiễn và căn cứ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để có giải pháp phù hợp và xử lý công việc đạt hiệu quả cao nhất. Những vấn đề đã “chín”, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, thực hiện có hiệu quả, được đa số đồng tình thì tiếp tục thực hiện; những vấn đề chưa có quy định hoặc vượt quy định thì mạnh dạn thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội.

Từ thực tiễn cuộc sống và trước cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhiều mô hình kinh doanh dịch vụ, nhất là kinh tế số, phát triển quá nhanh, mà các cơ quan quản lý không theo kịp để đưa ra biện pháp phù hợp.

Bài học từ tỉnh Quảng Ninh - địa phương được nhắc tới nhiều trong những ngày qua với vị trí dẫn đầu cả nước trên cả hai bảng xếp hạng về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - có thể là một ví dụ điển hình nhất cho thấy vai trò của một đội ngũ cán bộ dám nghĩ, dám làm cùng các thử nghiệm mạnh dạn bắt nguồn từ những đòi hỏi thực tiễn của cuộc sống, của tư duy đổi mới và có trách nhiệm. Khảo sát về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh cho thấy, cộng đồng doanh nghiệp đánh giá, nếu chính sách, pháp luật có điểm chưa rõ thì chính quyền tỉnh Quảng Ninh rất ít khi lúng túng, không làm gì cả hay đợi xin được ý kiến chỉ đạo - tỷ lệ này của tỉnh Quảng Ninh thấp nhất cả nước.

Điều này chỉ có thể làm được khi nội bộ thật sự đoàn kết, có người chịu trách nhiệm cao nhất, truyền cảm hứng cho cấp dưới.

Trong những năm qua, chúng ta đã đẩy mạnh cải cách hành chính, nhưng nhiều ý kiến cho rằng, cùng với việc cải cách trong mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với tổ chức, công dân, cần chú trọng hơn nữa cải cách cách thức xử lý công việc trong nội bộ các cơ quan hành chính. Nghị quyết đầu tiên của Chính phủ sau khi kiện toàn nhân sự đã thể hiện rõ yêu cầu, quan điểm đổi mới mạnh mẽ cách thức xử lý công việc, trong quan hệ cấp trên - cấp dưới, trong giao nhiệm vụ và đánh giá cán bộ...

Yêu cầu phát triển của đất nước đang đòi hỏi các cơ quan Trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ của mình tập trung nghiên cứu sớm cụ thể hóa, thể chế hóa nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thành luật pháp, cơ chế, chính sách để sớm thực thi trong đời sống, kịp thời khắc phục hạn chế yếu kém mà Đại hội XIII đã chỉ ra, đó là chỉ đạo và tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu chậm được khắc phục, năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương, nghị quyết còn hạn chế.

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”. Cán bộ đột phá sẽ tạo thể chế đột phá và thể chế đột phá, chất lượng cao sẽ giúp huy động tối đa, sử dụng hiệu quả nhất mọi nguồn lực trong xã hội, tạo động lực để gần 100 triệu người dân cùng hành động, khuyến khích và bảo vệ người dân và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, đổi mới sáng tạo, làm giàu một cách chính đáng, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ, hùng cường.

Nguồn: baohinhphu.vn

KIP THỜI GIÚP DOANH NGHIỆP “HỒI SỨC”, PHÁT TRIỂN

Nghị định số 52/2021/NĐ-CP mà Chính phủ vừa ban hành được xem là “liều thuốc” quý giá giúp doanh nghiệp “hồi sức” trong bối cảnh bị “đuối sức” do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Nghị định số 52/2021/NĐ-CP (gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021) được xem là Nghị định đầu tiên mà Chính phủ ban hành sau khi kiện toàn.

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, dự kiến tổng số thuế và tiền thuê đất được gia hạn theo chính sách giãn, hoãn thời hạn nộp thuế tại dự thảo Nghị định là 115.000 tỷ đồng. Đây thực chất là khoản cho vay không tính lãi của nhà nước đối với doanh nghiệp, cá nhân để có nguồn tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh, gia tăng nguồn lực trong tương lai.

Chính sách gia hạn nộp thuế không làm giảm thu ngân sách nhà nước và phù hợp thẩm quyền của Chính phủ mà Luật Quản lý thuế đã quy định (việc gia hạn nộp thuế không dẫn đến điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định).

Bộ Tài chính cho biết, nguyên tắc lựa chọn đối tượng được gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất cần bảo đảm: Đối tượng thụ hưởng chính sách phải là những doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bị ảnh hưởng trực tiếp, nặng nề do dịch COVID-19.

Để được gia hạn, người nộp thuế tự xác định và chịu trách nhiệm, thực hiện nộp 1 lần duy nhất Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất cho cơ quan thuế. Hiện nay, thủ tục này đã được thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Trong trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh không trong diện được gia hạn nhưng do xác định nhầm lẫn vẫn có thể nộp đơn, cơ quan Thuế sẽ có phản hồi ngay.

Trao đổi với Báo điện tử Chính phủ, chuyên gia kinh tế Ngô Trí Long đánh giá, các chính sách hoãn, giãn các loại thuế trong Nghị định của Chính phủ rất hữu hiệu với doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn chung do COVID-19. Khi giãn, hoãn thuế giúp các doanh nghiệp có thêm nguồn vốn tạm thời để quay vòng, phục vụ sản xuất kinh doanh.

"Chủ trương là rất tốt nhưng quan trọng là triển khai phải hiệu quả, các cơ quan thực thi cần làm nhanh chóng, thuận lợi tối đa cho các đối tượng được thụ hưởng. Nếu để tình trạng vướng mắc về thủ tục, triển khai chậm, hoặc cán bộ thực thi gây khó dễ cho doanh nghiệp, có thể khiến các doanh nghiệp bị lỡ thời cơ tận dụng nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh", ông Ngô Trí Long lưu ý.

"Phao cứu sinh" cho doanh nghiệp

Trao đổi với Phóng viên Báo điện tử Chính phủ, ông Thang Văn Hưng (Công ty TNHH Hào Hưng, doanh nghiệp chế biến gỗ) cho biết, ông rất phấn khởi khi biết tin Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2021/NĐ-CP. "Với số tiền nộp thuế lên đến mấy chục tỷ đồng mỗi tháng, nếu được giãn thuế tháng nào thì có vốn xoay vòng kinh doanh tháng đó". Nghị định 52 được ban hành như một phao cứu sinh, giúp "hồi sức" cho những doanh nghiệp đang gặp khó khăn.

"Chính phủ đã ban hành 3 chính sách hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch COVID-19, đây đều là những chính sách rất thiết thực. Tuy nhiên, đôi khi việc triển khai chính sách đến doanh nghiệp còn chậm...", ông Thang Văn Hưng hy vọng sớm được hướng dẫn trong việc gia hạn nộp thuế.

Ông Lưu Hải Minh, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Nhật Hải (OIC NEW) cho biết, trong bối cảnh tác động của dịch COVID-19, doanh nghiệp khoa học và công nghệ cũng gặp phải rất nhiều khó khăn như các doanh nghiệp nói chung, như thiếu nguyên liệu sản xuất, thị trường tiêu thụ bị hạn chế, thiếu hụt lao động, doanh thu sụt giảm, nguồn tiền chi trả các chi phí vận hành doanh nghiệp hạn hẹp...

Ông đánh giá cao việc chỉ trong vòng 1 năm, lần thứ ba Chính phủ đã gia hạn thuế và tiền thuê đất để hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh. Việc gia hạn các loại thuế rất kịp thời, như một phao cứu sinh cho các doanh nghiệp vượt qua khủng hoảng do COVID - 19.

“Chính phủ đã tạo niềm tin cho doanh nghiệp khi luôn là người kiến tạo. Với các doanh nghiệp khoa học và công nghệ như công ty OIC NEW, phần lớn đều đầu tư mạnh vào R&D (nghiên cứu và phát triển) để tạo nên những quy trình và sản phẩm mới cho nên việc hoãn thuế là hình thức giúp đỡ doanh nghiệp khoa học công nghệ có động lực hơn nữa để dẫn dắt quá trình biến Việt Nam thành Quốc gia khởi nghiệp”, ông Lưu Hải Minh nhấn mạnh. Đồng thời mong muốn Chính phủ tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ có thể sử dụng quyền sở hữu trí tuệ như một tài sản thế chấp để vay vốn.

TS. Tô Hoài Nam, Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam đánh giá, Nghị định số 52/NĐ-CP có đối tượng áp dụng rộng rãi, không chỉ doanh nghiệp bị tác động nặng nề của COVID-19 như dịch vụ bán lẻ, logistic, du lịch mà kể cả những doanh nghiệp bị tác động ít hơn như khai khoáng... cũng được thụ hưởng. Đây là điều khá đặc biệt, thể hiện sự bình đẳng, không phân biệt giữa các loại hình kinh doanh khác nhau trên thị trường, đồng thời thể hiện ý chí quyết tâm, chia sẻ và đồng hành với cộng đồng doanh nghiệp từ phía Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện 2 lần trước, từ khảo sát của cộng đồng doanh nghiệp cho thấy, hoãn và giãn thuế là chính sách doanh nghiệp ưa thích nhất, việc tiếp cận cũng thuận lợi, dễ dàng hơn so với miễn, giảm thuế phức tạp về mặt thủ tục. Nghị định số 52/2021/NĐ-CP đề cập gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất, đã thể hiện cách xử lý vấn đề mang tính thực tiễn của Chính phủ. Điều này rất cần thiết và có ý nghĩa nhân văn, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp bứt phá trong thời gian tới.

Để chính sách đi nhanh vào cuộc sống, theo TS. Tô Hoài Nam, các cơ quan quản lý liên quan cần nhanh chóng hướng dẫn cho doanh nghiệp cũng như tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp bằng cách giảm thiểu các thủ tục hành chính, hạn chế thanh kiểm tra, trừ những trường hợp có vụ việc nổi cộm để doanh nghiệp có thể ổn định tâm lý, dồn toàn bộ thời gian, công sức cho hoạt động tốt hơn.

Nguồn: baohinhphu.vn

CHÍNH PHỦ: GIA HẠN THỜI HẠN NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP, THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ TIỀN THUÊ ĐẤT TRONG NĂM 2021

Ngày 19/4/2021, Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 52/2021/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021

Theo đó, Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế sau: a) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; b) Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; c) Xây dựng; d) Hoạt động xuất bản; hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc; đ) Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (không gia hạn đối với thuế thu nhập doanh nghiệp của dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thu theo hiệp định, hợp đồng); e) Sản xuất đồ uống; in, sao chép bản ghi các loại; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); sản xuất mô tô, xe máy; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị; g) Thoát nước và xử lý nước thải.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau: a) Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động kinh doanh bất động sản; b) Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; c) Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; hoạt động thể thao, vui chơi giải trí; hoạt động chiếu phim; d) Hoạt động phát thanh, truyền hình; lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính; hoạt động dịch vụ thông tin; đ) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; sản phẩm cơ khí trọng điểm.

4. Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được xác định theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nghị định cũng nêu rõ, đối với thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu), gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp (bao gồm cả số thuế phân bổ cho các địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính, số thuế nộp theo từng lần phát sinh) của kỳ tính thuế từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2021 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế Quý 1, Quý 2 năm 2021 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý) của các doanh nghiệp, tổ chức. Thời gian gia hạn là 05 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2021 và Quý 1, Quý 2 năm 2021, thời gian gia hạn là 04 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 7 năm 2021, thời gian gia hạn là 03 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 8 năm 2021. Thời gian gia hạn được tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định quy định: Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của Quý 1, Quý 2 kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 của doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng nêu trên. Thời gian gia hạn là 03 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phát sinh phải nộp năm 2021 của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh tế, lĩnh vực nêu tại tại (1), (2), (3) nêu trên. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp số tiền thuế được gia hạn tại khoản này chậm nhất là ngày 31/12/2021.

Đối với tiền thuê đất, gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với số tiền thuê đất phải nộp kỳ đầu năm 2021 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân thuộc đối tượng quy định nêu trên đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời hạn gia hạn là 6 tháng kể từ ngày 31/5/2021.

Việc gia hạn này là cần thiết để các doanh nghiệp, cá nhân có thêm nguồn lực tài chính duy trì và khôi phục sản xuất, góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cả năm 2021...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ TÀI CHÍNH: QUY ĐỊNH VỀ CÁC LOẠI CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

Ngày 18/3/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 19/2021/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế quy định rõ các loại chứng từ điện tử.

Theo đó, Thông tư số 19/2021/TT-BTC quy định, người nộp thuế có thể thực hiện các giao dịch thuế điện tử 24/7, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày tết. Thời gian cơ quan Thuế gửi thông báo, quyết định, văn bản cho người nộp thuế được xác định là trong ngày nếu hồ sơ được ký gửi thành công trong cả 24 giờ mỗi ngày.

Người nộp thuế được sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử do cơ quan Thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp khi thực hiện giao dịch điện tử qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử. Đồng thời, có thể để tra cứu, xem, in toàn bộ chứng từ điện tử đã gửi đến cơ quan thuế và các thông báo, quyết định cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế theo quy định.

Người nộp thuế có thể lựa chọn một trong năm địa chỉ sau đây để thực hiện giao dịch thuế điện tử, gồm: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (trừ điểm b khoản này) đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được Tổng cục Thuế chấp nhận kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; Dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thực hiện nộp thuế điện tử.

Thông tư số 19/2021/TT-BTC cũng quy định các loại chứng từ điện tử gồm:

Một là, hồ sơ thuế điện tử: hồ sơ đăng ký thuế; hồ sơ khai thuế; xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế; tra soát thông tin nộp thuế; thủ tục bù trừ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa; hồ sơ hoàn thuế; hồ sơ miễn giảm thuế; miễn tiền chậm nộp; không tính tiền chậm nộp; hồ sơ khoan tiền thuế nợ; hồ sơ xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ và các hồ sơ, văn bản khác về thuế dưới dạng điện tử được quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế.

Hai là, chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử gồm: Chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước dưới dạng điện tử, trường hợp nộp thuế qua hình thức nộp thuế điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thì chứng từ nộp ngân sách nhà nước là chứng từ giao dịch của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải đảm bảo đủ các thông tin trên mẫu chứng từ nộp ngân sách nhà nước.

Ba là, các thông báo, quyết định, văn bản khác của cơ quan thuế dưới dạng điện tử.

Các chứng từ điện tử trên phải được ký điện tử theo quy định. Trường hợp hồ sơ thuế điện tử có các tài liệu kèm theo ở dạng chứng từ giấy phải được chuyển đổi sang dạng điện tử theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 03/5/2021, thay thế Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 và Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ Tài chính.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI ĐƯỢC BAN HÀNH

*** Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về Khoa học công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân**

Ngày 01/03/2021, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Ở cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm: Hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở theo quy định của pháp luật.

Ở cấp huyện, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định cụ thể vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Đây là tổ chức trực thuộc Sở, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường chất lượng, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; quản lý và tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Thông tư cũng quy định về đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng thông tin và thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện hoạt động sự nghiệp và dịch vụ về tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2021.

*** Tiêu chí phân loại tổ chức Khoa học công nghệ công lập**

Ngày 10/3/2021, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 02/2021/TT-BKHHCN quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Thông tư quy định 2 tiêu chí phân loại tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Phân loại theo chức năng, nhiệm vụ và phân loại theo mức độ tự chủ về tài chính.

Phân loại theo chức năng, nhiệm vụ, có 3 loại tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm: Tổ chức khoa học và công nghệ công lập phục vụ quản lý nhà nước; Tổ chức khoa học và công nghệ công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu; Tổ chức khoa học và công nghệ công lập phục vụ công ích của nhà nước.

Việc phân loại theo mức độ tự chủ về tài chính thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Cụ thể: Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; Tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/4/2021.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Quốc hội:

Quốc hội đã ban hành các Nghị quyết bầu, miễn nhiệm một số chức danh lãnh đạo Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội.

Bầu Chủ tịch nước và các Phó Chủ tịch nước

Cụ thể, tại Nghị quyết số 141/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Nguyễn Phú Trọng.

Tại Nghị quyết số 142/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị bầu ông Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII, đại biểu Quốc hội khóa XIV giữ chức vụ Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Đồng thời, tại Nghị quyết số 144/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với bà Đặng Thị Ngọc Thịnh.

Tại Nghị quyết số 149/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị: Bà Võ Thị Ánh Xuân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XIV tỉnh An Giang giữ chức vụ Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Bầu Thủ tướng Chính phủ, phê chuẩn các thành viên Chính phủ

Tại Nghị quyết số 140/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị miễn nhiệm chức vụ Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Nguyễn Xuân Phúc.

Tại Nghị quyết số 143/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị bầu ông Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII, Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương Đảng, đại biểu Quốc hội khóa XIV giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Tại Nghị quyết số 154/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Trịnh Đình Dũng.

Quốc hội cũng phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn nhiệm chức vụ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với các ông sau: Ông Ngô Xuân Lịch, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; ông Phạm Bình Minh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; ông Lê Vĩnh Tân, Bộ trưởng Bộ Nội vụ; ông Nguyễn Xuân Cường, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ông Phạm Hồng Hà, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; ông Nguyễn Ngọc Thiện, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ông Đỗ Văn Chiến, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; ông Mai Tiến Dũng, Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; ông Đinh Tiến Dũng, Bộ trưởng Bộ Tài chính; ông Phùng Xuân Nhạ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục

và Đào tạo; ông Trần Tuấn Anh, Bộ trưởng Bộ Công Thương; ông Lê Minh Khái, Tổng Thanh tra Chính phủ.

Tại Nghị quyết số 157/2021/QH14, Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Lê Minh Khái và ông Lê Văn Thành.

Quốc hội cũng phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm chức vụ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với các ông, bà: Ông Phan Văn Giang, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; ông Bùi Thanh Sơn, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; bà Phạm Thị Thanh Trà, Bộ trưởng Bộ Nội vụ; ông Lê Minh Hoan, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ông Nguyễn Thanh Nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; ông Nguyễn Văn Hùng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ông Hầu A Lềnh, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; ông Trần Văn Sơn, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; ông Hồ Đức Phớc, Bộ trưởng Bộ Tài chính; ông Nguyễn Kim Sơn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; ông Nguyễn Hồng Diên, Bộ trưởng Bộ Công Thương; ông Đoàn Hồng Phong, Tổng Thanh tra Chính phủ.

Bầu 5 Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tại Nghị quyết số 145/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV đối với: Ông Phan Thanh Bình, ông Phan Xuân Dũng, ông Nguyễn Văn Giàu, ông Nguyễn Hạnh Phúc và ông Trần Văn Túy.

Tại Nghị quyết số 150/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị các ông, bà có tên sau đây giữ chức vụ Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Ông Bùi Văn Cường, bà Nguyễn Thị Thanh, ông Nguyễn Đắc Vinh, ông Vũ Hải Hà và ông Lê Quang Huy.

Tại Nghị quyết số 146/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị miễn nhiệm chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội khóa XIV đối với ông Phan Thanh Bình; miễn nhiệm chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội khóa XIV đối với ông Phan Xuân Dũng; miễn nhiệm chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội khóa XIV đối với ông Nguyễn Văn Giàu.

Tại Nghị quyết số 151/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị các đại biểu Quốc hội khóa XIV có tên sau đây giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội khóa XIV: Ông Nguyễn Đắc Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội khóa XIV; ông Lê Quang Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội khóa XIV; ông Vũ Hải Hà, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội khóa XIV.

Theo Nghị quyết số 147/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị miễn nhiệm chức vụ Tổng Thư ký Quốc hội khóa XIV đối với ông Nguyễn Hạnh Phúc.

Theo Nghị quyết số 152/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị ông Bùi Văn Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, giữ chức vụ Tổng Thư ký Quốc hội khóa XIV.

Tại Nghị quyết số 148/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị miễn nhiệm chức vụ Tổng Kiểm toán Nhà nước nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Hồ Đức Phúc.

Tại Nghị quyết số 153/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị ông Trần Sỹ Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, giữ chức vụ Tổng Kiểm toán Nhà nước nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Tại Nghị quyết số 155/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia đối với bà Tông Thị Phóng và bà Đặng Thị Ngọc Thịnh.

Quốc hội cũng quyết nghị phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia về việc miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Hội đồng Bầu cử quốc gia đối với các ông: Ông Phạm Minh Chính; ông Ngô Xuân Lịch; ông Uông Chu Lưu; ông Phùng Quốc Hiển; ông Trần Văn Túy; ông Nguyễn Hạnh Phúc; ông Lê Vĩnh Tân và ông Lê Quốc Phong.

Tại Nghị quyết số 158/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị các ông, bà có tên sau đây giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia: Ông Đỗ Văn Chiến, Bí thư Trung ương Đảng, Bí thư Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; bà Võ Thị Ánh Xuân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước.

Các ông, bà giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia gồm: Bà Trương Thị Mai, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương; ông Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; ông Nguyễn Khắc Định, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội; ông Nguyễn Đức Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội; bà Nguyễn Thị Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Trưởng Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương; ông Bùi Văn Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; bà Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương; ông Nguyễn Anh Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ Nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

Tại Nghị quyết số 156/2021/QH14, Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và an ninh đối với bà Nguyễn Thị Kim Ngân; ông Ngô Xuân Lịch và ông Phạm Bình Minh.

Tại Nghị quyết số 159/2021/QH14, Quốc hội quyết nghị ông Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và an ninh.

Các ông có tên sau đây giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và an ninh: Ông Vương Đình Huệ, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội; ông Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; ông Bùi Thanh Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

*** Thủ tướng Chính phủ quyết định:**

Bổ nhiệm PGS. TS. Vũ Hải Quân, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Võ Trọng Hải, Phó Bí thư Tỉnh ủy Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Trần Tiến Hưng, để nhận nhiệm vụ mới.

*** Bộ Công an:**

Đại tá Phạm Thế Tùng, Giám đốc Công an tỉnh Bắc Ninh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Nghệ An.

Đại tá Bùi Duy Hưng, Phó Cục trưởng, thư ký lãnh đạo Bộ Công an được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Bắc Ninh.

*** Thành phố Hồ Chí Minh:**

Ông Nguyễn Văn Dũng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Nguồn: baohinhphu.vn